

Số 01-2015 (88)

# Khoa học & Công nghệ

## LÂM ĐỒNG

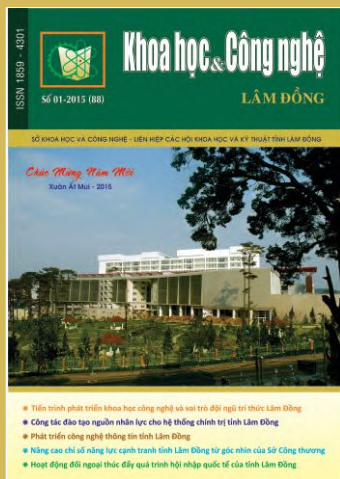
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

*Chúc Mừng Năm Mới*

Xuân Ất Mùi - 2015



- ☀️ Tiến trình phát triển khoa học công nghệ và vai trò đội ngũ trí thức Lâm Đồng
- ☀️ Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng
- ☀️ Phát triển công nghệ thông tin tỉnh Lâm Đồng
- ☀️ Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Lâm Đồng từ góc nhìn của Sở Công thương
- ☀️ Hoạt động đối ngoại thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh Lâm Đồng



# Khoa học & Công nghệ

## LÂM ĐỒNG

### Trong số này

#### SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

#### LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

#### TRUNG TÂM TIN HỌC & THÔNG TIN KHCN

Địa chỉ: Số 36 Trần Phú - Tp. Đà Lạt

Điện thoại: 063. 3833163

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

#### CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

##### Tổng biên tập:

PGS.TS. Lê Xuân Thám

##### Biên tập:

TS. Phạm S

KS. Ngô Đình Văn Châu

PGS.TS. Nguyễn Mộng Sinh

PGS.TS. Dương Tấn Nhựt

PGS.TS. Đào Xuân Vinh

PGS. TS. Dương Quý Sỹ

TS. Nguyễn Mậu Tuấn

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Văn Hương

TS. Trần Văn Bảo

CN. Lê Văn Công

##### Thư ký:

Huỳnh Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

##### Trình bày:

Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN

##### Ảnh bìa: Ngô Huy Đông

Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh Lâm Đồng

#### ☀ Vấn đề - Sự kiện

- 1 **PGS.TS. Lê Xuân Thám** - Từ xuân 1975 đến xuân 2015: Tiến trình phát triển khoa học công nghệ và vai trò đội ngũ trí thức Lâm Đồng
- 4 **ThS. Đỗ Thanh Bình** - Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị tỉnh Lâm Đồng
- 6 **Nguyễn Viết Vân** - Phát triển công nghệ thông tin tỉnh Lâm Đồng
- 9 **Huỳnh Ngọc Cảnh** - Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Lâm Đồng từ góc nhìn của Sở Công thương
- 11 **Võ Thị Hảo** - Hoạt động đối ngoại thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh Lâm Đồng

#### ☀ Hoạt động Khoa học và Công nghệ

- 14 **Lê Xuân Phúc** - Kết quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2013
- 16 **Đỗ Văn Chiến** - Tư lỵ Bảo Lộc trên đường xây dựng nhãn hiệu chứng nhận
- 18 **Nguyễn Thị Tường Vi** - Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp
- 20 Tin hoạt động Khoa học và Công nghệ
- 22 Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2015

#### ☀ Khoa học và Đời sống

- 23 **ThS. Lương Văn Dũng** - Một số loài rau rừng đặc trưng ở Lâm Đồng
- 25 Năm Mùi kể chuyện Dê
- 27 **TS. Trần Văn Bảo** - Đời sống cư dân thời đại đá cũ ở Lâm Đồng

#### ☀ Giới thiệu các chuyên gia khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Giấy phép xuất bản số 17/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 15.12.2014

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. Khổ 19x27 cm. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01.2015



**TỪ XUÂN 1975 ĐẾN XUÂN 2015:**

**TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
VÀ VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC LÂM ĐỒNG**

**PGS.TS. LÊ XUÂN THÁM**

*Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ*

Là tỉnh miền núi, vùng cao thuộc Nam Tây Nguyên, Lâm Đồng có tổng diện tích tự nhiên 977.354 ha, trong đó đất nông nghiệp là 900.455 ha (đất sản xuất nông nghiệp 316.169 ha, đất lâm nghiệp có rừng 581.992 ha, đất nuôi trồng thủy sản 2.144 ha, đất nông nghiệp khác 140 ha); đất phi nông nghiệp 53.198 ha; đất chưa sử dụng 23.711 ha. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 02 thành phố), 148 đơn vị hành chính cấp xã với dân số trên 1,23 triệu người (tỷ lệ dân thành thị 38%, dân nông thôn 62%). Lâm Đồng hiện có trên 40 dân tộc đang sinh sống với 62.199 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 21% dân số toàn tỉnh.

Trong hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung, tỉnh Lâm Đồng là thành viên lõi cuốn tích cực cùng các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Trung Bộ và Đông Nam Bộ, tạo nên những liên kết hợp tác vùng ngày càng hiệu quả. KH&CN Lâm Đồng đã tạo sức lôi cuốn xã hội hóa, sáng tạo quần chúng ngày càng sâu rộng, thiết thực. Từ những nghiên cứu công phu cơ bản của các thế hệ nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, trong nước và quốc tế, đến các cơ quan chuyên môn đã được gắn kết, chuyển hóa vào sáng tạo, cần cù của nhà nông, doanh nghiệp, kể cả nhà tu hành, học sinh, sinh viên,... đã mang lại những kết quả đóng góp tích cực vào sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên nhiều sản phẩm đặc thù của Đà Lạt - Lâm Đồng có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước trong 40 năm qua.

**Những đóng góp hiệu quả của đội ngũ trí thức Lâm Đồng trong KH&CN và đào tạo**

Sau khi đất nước thống nhất, vượt qua giai đoạn khó khăn, thời kỳ đổi mới vào thập niên 80-90 đã cho thấy vai trò tích cực của đội ngũ trí thức Lâm Đồng, với hơn 20 ngàn người được đào tạo từ nhiều nguồn trong và ngoài nước cùng cả hệ thống phấn đấu liên tục trong những năm qua, đóng vai trò nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực. Cùng với đó là sự phát triển ổn định của 2 trường đại học có uy tín, 5 trường cao đẳng và nhiều trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, 3 viện và các trung tâm nghiên cứu triển khai của trung ương, chưa kể Học viện

Sĩ quan lục quân (vốn nổi tiếng là Trường Võ bị Đà Lạt trước năm 1975) và sự hình thành của hơn 5.000 doanh nghiệp tỏa rộng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội phong phú của tỉnh.

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh ra đời cách nay 20 năm (từ năm 1994) đã trở thành một cơ cấu mới năng động, hội tụ của đội ngũ trí thức trong tỉnh, với người sáng lập và lãnh đạo đầu tiên là PGS.TS. Phạm Bá Phong, nguyên Phó Hiệu trưởng Đại học Đà Lạt (hiện là Hiệu trưởng Đại học Yersin), tiếp đó là PGS. TS. Nguyễn Mộng Sinh, nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, thực tế là lớp trí thức đầu đàn, trưởng thành từ chiếc nôi Liên bang Xô viết - Liên Xô cũ, khởi đầu về thúc đẩy hoạt động KHCN và đào tạo nguồn nhân lực trí thức cho tỉnh, tạo tiền đề mạnh mẽ cho các thế hệ trưởng thành sau này. Toàn bộ lực lượng trí thức của tỉnh đã tham gia tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ trong các lĩnh vực hoạt động cơ bản sau:

Trong công tác lãnh đạo và đào tạo, đã chú trọng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ về quản lý nhà nước, về năng lực tham mưu và triển khai nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ KHCN ở các đơn vị sự nghiệp. Các quy chế, chương trình KHCN đã được xây dựng khá bài bản và thể hiện năng lực huy động, lôi cuốn lực lượng chuyên gia, các nguồn lực cơ sở huyện, thành phố, doanh nghiệp,...

Các chương trình kế hoạch được Sở tham mưu đã tương ứng với các nội dung của Kế hoạch 65-KH/TU ngày 19/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW (Hội nghị Trung ương VI, Khóa XI), bám sát Quy hoạch KH&CN tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020, đặc biệt thúc đẩy chương trình phát triển công nghệ sinh học, xây dựng đề án Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình Nâng suất Chất lượng, Chương trình sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển các nhãn hiệu sản phẩm ưu thế, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về KHCN...).

Cơ chế chính sách về KHCN, cải tiến quản lý KHCN ngày càng được hoàn chỉnh và mang lại hiệu quả rõ nét hơn từ việc xác định nhiệm

vụ được thực hiện theo quy trình hợp lý, từng bước có sự đặt hàng của nhà nước, gắn với các chương trình KH&CN theo quy hoạch; đến vấn đề xác định địa chỉ áp dụng của các đề tài, nhiệm vụ KH&CN. Thực tế việc triển khai các đề tài, dự án những năm qua đã chứng minh sức thu hút khá mạnh mẽ các đơn vị, các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài tỉnh tích cực đưa ra những vấn đề có ý nghĩa khoa học thiết thực và giá trị ứng dụng thực tiễn ngày càng cao. Nhiều đề tài, dự án đạt hiệu quả cao, nhất là các ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ sinh học, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn - miền núi... Bên cạnh đó là các đề tài điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường,... được triển khai khá bài bản trên toàn tỉnh, xây dựng tích lũy bộ cơ sở dữ liệu khá phong phú và hoàn chỉnh trên một số lĩnh vực.

Những trí thức, nhà khoa học đầu ngành như chuyên định vào thời kỳ vận hội của đất nước đã tạo cho Đà Lạt - Lâm Đồng những bước đi KH&CN cao ngay từ sau thống nhất đất nước.

Công nghệ sinh học thực vật đã tạo nên sắc thái đặc thù và là thành tựu lớn của trí thức đóng góp vào nền sản xuất nông nghiệp công nghệ tiên bộ của Lâm Đồng, xuất phát từ Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam, Viện Sinh học Tây Nguyên, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, các trung tâm nghiên cứu của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp, với những chuyên gia hàng đầu đã gắn bó với Đà Lạt, Lâm Đồng, mà nổi bật là PGS.TS. Nguyễn Văn Uyển, nguyên Viện trưởng Viện Sinh học nhiệt đới và sau này là các thế hệ trẻ được đào tạo từ các nguồn trên thế giới và trong nước đã tạo nên nền tảng cho các ứng dụng trong sản xuất, đặc biệt phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh, mang lại những giá trị và hiệu quả đặc sắc. Ngay từ những ngày đầu đầy gian khó ấy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã động viên, ghi nhận những cố gắng và những thành tựu của lực lượng trí thức Lâm Đồng.

Sự tích hợp nhiều thế hệ cho một cái nhìn tổng hợp về toàn bộ lịch sử hình thành, văn hóa, tài nguyên và tiến trình xây dựng, phát triển của Đà Lạt - Lâm Đồng gắn với sự nghiệp cách mạng và nhiều thế hệ lãnh đạo của tỉnh, thể hiện phần nào trong các công trình nghiên cứu tổng hợp đa dạng, tỉ mỉ, mà nổi bật là tổng tập Địa chí Đà Lạt, Địa chí Lâm Đồng, Lịch sử Đảng bộ Lâm Đồng,... Qua đó cũng thể hiện lực lượng trí thức Lâm Đồng nối tiếp các thế hệ dưới sự lãnh đạo của Đảng đã dần trưởng thành, đóng vai trò nòng cốt của cả hệ thống chính trị trong toàn tỉnh.

Khoa học và kỹ thuật hạt nhân với con đường Nguyễn Tử Lực lịch sử, ngay từ rất sớm đã tiếp

thu, kế thừa và phát triển khá mạnh mẽ - là khởi đầu cho các tiến triển công nghệ hạt nhân ứng dụng, trở thành truyền thống và như một đặc thù của Lâm Đồng. Nơi đây là môi trường hội tụ của nhiều nguồn trí thức được đào tạo qua các thế hệ từ các cường quốc khoa học hạt nhân trên thế giới (Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Nhật Bản, Đức, Trung Quốc,...) với các nhà khoa học nổi tiếng như: GS.TS. Phạm Duy Hiển, TS. Trần Hà Anh, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, PGS.TS. Trần Thanh Minh, nguyên Hiệu trưởng Đại học Đà Lạt và đông đảo đội ngũ các nhà khoa học công nghệ hạt nhân - là cơ sở để xây dựng ngành KH&CN hạt nhân ứng dụng hàng đầu khu vực Đông Nam Á ở Lâm Đồng.

Đà Lạt - Lâm Đồng còn là cái nôi từ thời Yersin (1893) cho nguồn trí thức ngành y - sinh và vắc-xin phòng dịch bệnh nổi tiếng của vùng Tây Nguyên - Duyên hải Trung Bộ, góp phần làm phong phú và tăng cường đội ngũ trí thức trong lĩnh vực y tế, vi sinh y học hiện đại,...

Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Lâm Đồng cũng còn một số hạn chế nhất định:

- Đội ngũ cán bộ, trí thức chưa tương xứng về năng lực; chưa có phân bố đảm bảo với yêu cầu quản lý và triển khai nhiệm vụ KH&CN, sản xuất, dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ.

- Về mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu triển khai: quản lý phản hồi, biện pháp thúc đẩy ứng dụng và xã hội hóa đầu tư cho KH&CN còn hạn chế. Thực tế hiệu quả hoạt động KH&CN trong tỉnh còn thấp so với yêu cầu thực tiễn, tỷ lệ các nhiệm vụ chưa đạt mức ứng dụng triển khai vào thực tiễn còn khá cao (khoảng 35-40%), chưa trở thành động lực phát triển tích cực của các ngành kinh tế - kỹ thuật, chưa đóng góp tích cực cho công tác tham mưu các chương trình lớn của tỉnh.

- Đào tạo nhân lực còn thiếu gắn kết với nhu cầu thực tiễn, nặng về lý thuyết, yếu thực hành và chuyên nghiệp, chủ yếu do cơ sở vật chất còn hạn chế.

**Kế tục chặng đường 40 năm qua, tiếp tục thúc đẩy phát triển KH&CN và ứng dụng thực tiễn, đào tạo nguồn nhân lực - Nhiệm vụ hàng đầu của đội ngũ trí thức Lâm Đồng**

### **Định hướng cơ bản**

Tập hợp đội ngũ trí thức, chủ động trong các hoạt động khoa học và sản xuất phong phú đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến 2020 và tầm nhìn xa hơn.

Phát huy toàn diện vai trò của đội ngũ trí thức, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học hiệu quả ngày càng cao.

Quản lý và gắn bó mật thiết các hoạt động của đội ngũ trí thức vào cơ cấu tổ chức của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng làm hạt nhân đoàn kết trong khối đại đoàn kết toàn dân trong và ngoài tỉnh.

#### Những hoạt động chủ yếu

- Tham mưu triển khai cụ thể hóa các chương trình của tỉnh, của Bộ Khoa học và Công nghệ và các ngành hiện nay; đòi hỏi phải bám sát và đề xuất phù hợp, kịp thời về phát triển ứng dụng công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng nông thôn mới, hiện đại hóa, sản xuất bền vững, sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển du lịch đặc thù Đà Lạt, Lâm Đồng; phối hợp các ban ngành và địa phương phản biện, tham mưu theo yêu cầu.

- Đẩy mạnh phát triển các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, cũng như doanh nghiệp KHCN trong tỉnh, hình thành và kiện toàn cơ cấu tổ chức hoạt động ổn định hiệu quả theo Nghị định 115/2010/NĐ-CP, tiến tới tự chủ vào năm 2015-2016, tăng cường cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực đạt trình độ cao cân đối vào năm 2020.

- Triển khai hiệu quả Quỹ Phát triển KHCN một cách thiết thực, phục vụ sản xuất, cải tiến công nghệ và tăng giá trị sản phẩm.

- Tăng cường công tác phổ biến thông tin KHCN, các kiến thức, tri thức xã hội; xây dựng Tạp chí KHCN Lâm Đồng thành diễn đàn ngôn luận KHCN đặc sắc,...

- Tham gia vận động sâu rộng, đánh giá các thành tựu KHCN và tôn vinh các hoạt động, những người nghiên cứu sáng tạo KHCN,...

#### Tích cực đổi mới cơ chế tham gia hoạt động KHCN

- Tham mưu, phản biện các phương thức xây dựng và triển khai các nhiệm vụ KHCN gắn với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực..., giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm KHCN phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đưa công tác đánh giá hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN vào hoạt động định kỳ (theo nhiệm kỳ 5 năm) để có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tham gia nghiên cứu đề xuất nhằm cụ thể hóa những điểm mới của Luật KH&CN năm 2013 về đầu tư cho KHCN; xây dựng cơ chế chính sách cho đội ngũ chuyên gia khoa học và các nhà trí thức; về khoán chi, khoán sản phẩm; cơ chế đặt hàng và tài chính trong nghiên cứu triển khai,...

#### Tham mưu triển khai các dự án, nhiệm vụ KHCN chủ yếu trong tỉnh

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung quy hoạch KHCN phù hợp thực tế phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn xa hơn, xác định các chương trình phát triển trọng tâm.

- Tham gia các Chương trình KHCN quốc gia phù hợp với điều kiện địa phương.

- Bám sát thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chú trọng các địa bàn trọng điểm và vùng khó khăn, kịp thời phân tích xác định những vấn đề phát sinh có triển vọng cao về KHCN và giá trị ứng dụng trong sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

#### Đóng góp tích cực vào hợp tác về KHCN

- Xác định đối tác hợp tác chiến lược và tiềm năng về KHCN phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, khai khoáng, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ trí thức hiện đại,...

- Tham mưu cơ chế hợp tác theo các chương trình, kế hoạch KHCN, phát huy thế mạnh của các đối tác vùng: trước hết là hợp tác phát triển với các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải Trung Bộ, Đông Nam Bộ,...

- Xây dựng cơ chế đối tác của các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh với các viện, trường của trung ương và địa phương trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài nước.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động hợp tác, hội thảo KHCN, góp phần thúc đẩy vai trò của Đà Lạt như thành phố du lịch, nghỉ dưỡng, sinh thái và khoa học, giáo dục,...

Từ thời điểm Xuân Ất Mùi 2015, chúng ta cùng nhận thấy rõ các thử thách, khó khăn trong giai đoạn trước mắt cũng như đến năm 2020 và tầm nhìn xa hơn, đòi hỏi toàn thể trí thức Lâm Đồng phải cố gắng vượt bậc để tham gia hoàn thiện hệ thống hoạt động KHCN Lâm Đồng, đoàn kết tập hợp và làm nòng cốt xây dựng Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW thành công, tích cực triển khai những đổi mới, tháo gỡ cơ chế theo Luật KH&CN năm 2013, góp phần tạo bước phát triển kinh tế - xã hội, đạt và vượt giá trị sản xuất 150 triệu đồng/ha/năm canh tác trong toàn tỉnh; tăng hàm lượng KHCN trong các ngành kinh tế kỹ thuật và xã hội, trong nông nghiệp, bảo vệ môi trường và góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong tiến trình hiện đại hóa - công nghiệp hóa cùng cả nước. ■



## CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG

**ThS. ĐỖ THANH BÌNH**

Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng

### Những kết quả chính

Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng (tiền thân là Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh Lâm Đồng) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Đảng, Trường Hành chính, Trường Công đoàn và Trường Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của tỉnh vào ngày 29/9/1993. Ngày 25/4/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 1354-QĐ/TU về việc sáp nhập Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng tại chức tỉnh vào Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng.

Với chức năng nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo, liên kết đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trải qua quá



Lễ bế giảng lớp bồi dưỡng dự nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Lâm Đồng năm 2014

Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường:

- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính.
- Đào tạo trung học chuyên nghiệp ngành luật và hành chính.
- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, cán sự.
- Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, thành phố.
- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo phòng thuộc cấp huyện, sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh.
- Bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc huyện, thành phố và sở, ban, ngành cấp tỉnh.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho bí thư, phó bí thư tổ chức cơ sở Đảng.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, công chức cấp cơ sở.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ, giảng viên Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố.
- Thực hiện một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác của tỉnh.
- Các chương trình liên kết đào tạo đại học chính trị, cao cấp lý luận chính trị; đào tạo đại học, cao học một số chuyên ngành.

trình hình thành và phát triển, trên cơ sở quy định của Đảng và Nhà nước, nhu cầu của địa phương, Trường Chính trị Lâm Đồng đã phát triển chương trình đào tạo tương đối phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, kiến thức xây dựng Đảng... cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cơ sở, cấp huyện và các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

Mô hình tổ chức của Trường Chính trị gồm: Ban Giám hiệu, 4 khoa (Lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xây dựng Đảng, Nhà nước và Pháp luật, Dân vận), 3 phòng (Đào tạo, Nghiên cứu khoa học - Thông tin - Tư liệu, Tổ chức - Hành chính - Quản trị) và Trung tâm Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Trường Chính trị đã hợp tác liên kết đào tạo với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; các học viện chính trị khu vực; Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Hành chính Quốc gia và hàng chục trường đại học, cao đẳng, đào tạo nghề trong và ngoài tỉnh.

Với đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ từ đại học trở lên, trong đó gần 40% có trình độ sau đại học, được đào tạo đủ chuẩn theo quy chế giảng viên của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đã góp phần trau dồi lập trường giai cấp, phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho cán bộ của tỉnh.

Từ ngày thành lập đến nay, Trường Chính trị đã tổ chức và liên kết tổ chức 632 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho gần 60 ngàn học viên là cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ doanh nghiệp của tỉnh, trong đó đã phối hợp đào tạo 11 lớp Cao cấp Lý luận chính trị với 1.027 học viên, 10 lớp Đại học chuyên ngành, Đại học chính trị với 792 học viên; tổ chức đào tạo 105 lớp Trung cấp Lý luận chính trị, Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính với 5.979 học viên; 24 lớp Trung cấp chuyên nghiệp với 1.032 học viên. Ngoài ra, nhà trường cũng đã tổ chức và phối hợp tổ chức 64 lớp bồi dưỡng chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và chuyên viên cho 4.288 học viên; và tổ chức 418 lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho 37.620 học viên...

Hiện nay, hầu hết đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị ở cơ sở; cán bộ chuyên môn, cán bộ lãnh đạo quản lý cấp huyện, các sở, ngành của tỉnh đều được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị của tỉnh ở nhiều chương trình khác nhau. Quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường một mặt góp phần chuẩn hóa đội ngũ cán bộ các cấp, trang bị hệ thống kiến thức cần thiết để có đủ năng lực, kỹ năng quản lý, lãnh đạo điều hành và thực thi nhiệm vụ chuyên môn. Thông qua đó góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức với tư cách là chủ thể, chủ trì các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cả trước mắt và lâu dài.

Với những thành tích đạt được trong thời gian qua, Trường Chính trị đã được Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương ghi nhận và tặng nhiều Bằng khen, Cờ thi đua, ... Nhiều cán bộ, giáo viên của Trường đã được tặng thưởng Huân, Huy chương, Bằng khen vì đã có những thành tích xuất sắc trong công tác giảng dạy. Năm 2013, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng



Hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp thực hiện chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng”



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của tập thể cán bộ, viên chức Trường Chính trị Lâm Đồng

vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.

### Nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đào tạo

Xác định vai trò, trách nhiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh trong thời gian tới, Trường Chính trị tiếp tục đổi mới cách thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhằm đảm bảo tính thiết thực, khoa học, toàn diện và thời sự theo các hướng sau:

- Biên soạn lại chương trình đào tạo, bồi dưỡng, Trường sẽ lựa chọn các chuyên đề thiết thực, gắn với thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đối với các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng, Trường chủ động lựa chọn chuyên đề hoặc nhóm chuyên đề phù hợp, lựa chọn liên kết với các học viện, viện, trường đại học uy tín, đảm bảo chất lượng.

- Linh động bố trí thời gian tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế của học viên.

- Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, thực hiện phương châm “lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành”.

- Tổ chức triển khai các chương trình bồi dưỡng theo chức danh, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, góp phần nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở.

Tin tưởng rằng thời gian tới, Trường Chính trị Lâm Đồng sẽ tiếp tục phấn đấu phát triển toàn diện để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. ■

## PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH LÂM ĐỒNG

**NGUYỄN VIỆT VÂN**

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

Năm 2014 là năm thứ tư thực hiện các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ IX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Với sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, cùng với nỗ lực của các cơ quan chức năng, hoạt động thông tin truyền thông tỉnh Lâm Đồng nói chung, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại các cơ quan nhà nước nói riêng đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

### Một số kết quả đạt được

#### Phát triển hạ tầng CNTT

Mạng bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ hoạt động lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu giao dịch thương mại, thông tin liên lạc của doanh nghiệp và đông đảo người dân. Mạng lưới bưu chính, viễn thông được đầu tư phát triển, nâng cao dung lượng; mở rộng vùng phục vụ đến khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hệ thống camera giám sát công cộng đã góp phần phục vụ công tác đảm bảo an ninh thông tin trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Hệ thống cáp quang, Internet băng thông rộng cũng như các dịch vụ viễn thông khác đã được xây dựng và cung cấp đến tất cả các xã trong tỉnh.

#### Việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

Hệ thống văn phòng điện tử đã được triển khai và đưa vào sử dụng tại 43 cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp huyện và một số xã.

Tổng doanh thu bưu chính, viễn thông năm 2014 ước đạt 2.100 tỷ đồng - tăng 12% so với năm 2013. Nộp ngân sách 95 tỷ đồng - tăng 2% so với năm 2013. Tổng giá trị đầu tư thực hiện khoảng 60 tỷ đồng.

Trong năm đã phát triển mới 240.345 thuê bao, trong đó có 32.172 thuê bao Internet, nâng tổng số thuê bao đến cuối năm 2014 đạt 1.420.091 thuê bao, trong đó có 94.942 thuê bao Internet.

Đến nay, 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; 100% các cơ quan Huyện ủy, UBND cấp huyện và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và 30% cán bộ, công chức cấp xã, phường được trang bị máy tính làm việc (gần 3.000 máy).

Ngoài ra, hệ thống máy tính được trang bị tại khối các trường học phục vụ công tác dạy và học; 110 điểm bưu điện văn hóa xã (375 máy); các trạm y tế xã (205 máy).

Toàn tỉnh hiện có 123 máy chủ đặt tại UBND tỉnh và các sở, ban, ngành (70 máy); UBND các huyện và tương đương (53 máy). 100% cơ quan cấp sở và huyện có mạng LAN; 100% các cơ quan Đảng, các sở, ngành thuộc tỉnh, huyện ủy, UBND cấp huyện và UBND tỉnh được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã khai báo được trên 5.000 tài khoản.

Hệ thống thông tin phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến sử dụng đường truyền cáp quang đã được triển khai lắp đặt tại 15 điểm cầu trên địa bàn toàn tỉnh.

Hệ thống tường lửa và hệ thống sao lưu dự phòng dữ liệu trên nền tảng mã nguồn mở được triển khai thành công tại Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đức Trọng.

Triển khai chữ ký số cho các cơ quan nhà nước thuộc khối Đảng và khối chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã. Nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu được đưa vào khai thác và sử dụng phục vụ công tác điều hành, tác nghiệp tại các đơn vị.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng tại địa chỉ <http://lamdong.gov.vn> được xây dựng bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng Anh, gồm 52 trang web của các cơ quan quản lý nhà nước; UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Nguồn nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước hiện nay của tỉnh có thể đảm bảo việc tiếp nhận, khai thác và vận hành các hệ thống với 165 cán bộ chuyên trách; về an toàn thông tin có 115 cán bộ chuyên trách và số cán bộ, công





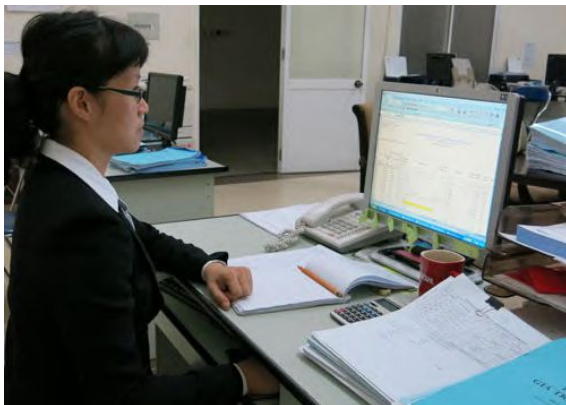
Hội nghị trực tuyến với các huyện, thành trong tỉnh  
Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội  
năm 2014 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2015

chức, viên chức biết sử dụng máy tính trong công việc là 8.745 người.

Hầu hết các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đều sử dụng phần mềm ISA làm firewall cho hệ thống và các phần mềm diệt virus đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin. Hệ thống của Trung tâm Cổng thông tin điện tử tỉnh gồm 14 máy chủ được áp dụng mô hình thiết kế 3 lớp (vùng MOSS, vùng DMZ và vùng Local) giúp đảm bảo an ninh thông tin; sử dụng tường lửa Foretigate phiên bản Foretigate 100A, phần mềm diệt virus Kasperky 6.0 và chế độ ghi logfile của hệ thống; sử dụng mã CAPTCHA trong quá trình đăng ký tài khoản; sử dụng phương thức SSL/TLS để mã hóa trong quá trình truyền và lưu dữ liệu quan trọng.

#### Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đến nay, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng đã cung cấp 1.197 dịch vụ công trực tuyến mức 2; 7 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 3 (gồm: đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế, cấp phép xuất bản bản tin và tài liệu không kinh doanh, chứng chỉ xây dựng, giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chứng chỉ y - dược, giấy



Kê khai thuế qua mạng giúp tiết kiệm  
thời gian và chi phí cho doanh nghiệp

phép xây dựng, giấy phép lái xe). Hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp được chú trọng, góp phần giải quyết công việc thuận lợi, hiệu quả hơn qua một số kết quả như:

- + Xây dựng và đưa vào hoạt động 05 hệ thống một cửa hiện đại tại UBND thành phố Đà Lạt, UBND phường 1 - thành phố Đà Lạt, UBND huyện Đức Trọng, UBND thị trấn Liên Nghĩa - huyện Đức Trọng và UBND huyện Đạ Tẻh.

- + Triển khai nhiều ứng dụng tin học tại Cục thuế và Chi cục thuế các huyện, thành phục vụ công tác quản lý và hoạt động nội bộ của ngành, giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi trong việc kê khai thuế ứng dụng mã vạch; khai thuế qua mạng Internet; đăng ký cấp mã số thuế thu nhập cá nhân qua mạng; quyết toán thuế; báo cáo tài chính; hỗ trợ tra cứu thông tin thuế; nộp thuế qua các ngân hàng thương mại...

- + Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã ứng dụng nhiều phần mềm vào quản lý và giải quyết chế độ chính sách như: quản lý người có công; quản lý mộ, nghĩa trang; quản lý lao động người nước ngoài; thống kê tai nạn lao động; quản lý kế toán; quản lý phiếu tự kiểm tra lao động doanh nghiệp; quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; quản lý bảo hiểm thất nghiệp; dịch vụ việc tìm người - người tìm việc; bản đồ thị trường lao động; cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động.

- + Ngành Giao thông và Vận tải đã sử dụng phần mềm quản lý giấy phép lái xe phục vụ việc cấp đổi giấy phép lái xe.

- + Ngành Thanh tra sử dụng phần mềm tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân.

- + Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng đã triển khai phần mềm phối hợp thu ngân sách với các ngân hàng thương mại trên địa bàn các huyện, thành phố nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng nộp tiền vào ngân sách; phần mềm chi tiền qua tài khoản ngân hàng, thanh toán bù trừ với ngân hàng, góp phần hạn chế giao dịch bằng tiền mặt.

- + Sở Y tế áp dụng hệ thống phần mềm quản lý khám chữa bệnh liên thông, áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng, Bệnh viện Đơn Dương... góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Những kết quả trên đã làm tăng điểm đánh giá chung mức độ ứng dụng CNTT toàn tỉnh. Theo báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT năm 2013 (Bộ Thông tin và Truyền thông, tháng 7/2014), tỉnh Lâm Đồng ở vị trí 10/63 tỉnh, thành phố về xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT tổng

thể của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 7 bậc so với năm 2012, ở mức khá. Theo kết quả xếp hạng Vietnam ICT Index 2014

(tháng 8/2014), Lâm Đồng tiếp tục thăng hạng, đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố; tăng 4 bậc so với năm 2013, thuộc nhóm có độ sẵn sàng ở mức khá.

STT	Tiêu chí đánh giá	Xếp hạng năm 2013: Vị thứ (Điểm)	Xếp hạng năm 2012: Vị thứ (Điểm)	Xếp hạng năm 2011: Vị thứ (Điểm)
1	Mức độ ứng dụng CNTT tổng thể	10 (669,07)	17 (405,32)	30 (321,81)
2	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	20 (86,80)	27 (42,81)	46 (27,99)
3	Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ	13 (164,76)	18 (94,60)	16 (102,83)
4	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp	10 (223,26)	17 (153,31)	53 (106,12)
5	Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	15 (66,25)	17 (42,01)	- (chưa đánh giá)
6	Xây dựng cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT	17 (78,0)	39 (25,0)	21 (39,0)
7	Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT	01 (50,00)	36 (47,59)	35 (48,00)

### Kế hoạch ứng dụng CNTT tỉnh Lâm Đồng năm 2015

Năm 2015, việc ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện 3 mục tiêu chính là (1) Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước; (2) Ứng dụng CNTT phục vụ cho người dân và doanh nghiệp; (3) Phát triển cơ sở hạ tầng khu CNTT tập trung, lập quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng khu Công viên phần mềm Quang Trung - Đà Lạt với 24 dự án được chú trọng triển khai (Theo Quyết định số 5896/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng) gồm:

- + Xây dựng mới, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm ứng dụng CNTT.
- + Nâng cấp, xây dựng mạng LAN cho một số đơn vị và khoảng 15 mạng LAN cho UBND cấp xã.
- + Trang bị mới hoặc nâng cấp máy chủ có cấu hình thấp, hoạt động không ổn định, tốc độ xử lý chậm nhằm ổn định hệ thống mạng LAN.
- + Kết nối Internet băng thông rộng và an toàn, bảo mật với mạng truyền dẫn tốc độ cao.
- + Trang bị các giải pháp an toàn, an ninh thông tin cho các cơ quan từ tỉnh đến huyện.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành đến các cơ quan nhà nước từ cấp sở, huyện; triển khai văn phòng điện tử đến UBND cấp xã; nâng cấp, bổ sung thiết bị hoàn thiện các hệ thống ứng dụng CNTT. Tiếp tục triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số; triển khai thực hiện bảo đảm thông tin số; thúc đẩy ứng dụng phần mềm mã nguồn mở.

Ngành thông tin và truyền thông sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp; ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông;



Ký kết hợp tác phát triển chuỗi công viên phần mềm Quang Trung giữa Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng và Tp. Hồ Chí Minh

tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Đồng thời đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu của người dân và doanh nghiệp và tính khả thi khi triển khai; duy trì 100% các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2 trên cổng thông tin điện tử; phát triển nội dung chuyên trang tiếng Anh trên Cổng thông tin điện tử; xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử và thúc đẩy phát triển các hoạt động giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng CNTT cho cán bộ, công chức; nâng cao năng lực cán bộ thông tin và truyền thông, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; nâng cao nhận thức về các lợi ích trong việc xây dựng chính phủ điện tử, những xu hướng về công nghệ cũng như tình hình ứng dụng và phát triển CNTT cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh và xã hội hóa việc bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác Internet cho người dân. ■

## NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH TỈNH LÂM ĐỒNG TỪ GÓC NHÌN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

**HUYỀN NGỌC CẢNH**

Giám đốc Sở Công thương

Là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên được ưu đãi về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ, cùng với nền văn hóa đa dạng của các dân tộc Tây Nguyên và cư dân các miền trong cả nước... Lâm Đồng có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh trên các lĩnh vực dịch vụ du lịch, nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Đặc biệt với nguồn nguyên liệu dồi dào là động lực để phát triển công nghiệp chế biến chè, cà phê, tơ tằm, cà chua, thức ăn gia súc và lâm sản xuất khẩu.

Theo bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2013 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố, Lâm Đồng đã có bước tiến đáng kể - xếp thứ 36/63 tỉnh, thành so với vị trí thứ 54 năm 2012. Dù đã có bước cải thiện thứ hạng từ trung bình

Chỉ số năng lực cạnh tranh - PCI (*Provincial Competitiveness Index*) là một trong những điều tra xã hội học toàn diện, phản ánh cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp tỉnh trong việc tạo lập môi trường chính sách thích hợp để phát triển kinh tế tư nhân. Kết quả PCI là cơ sở khách quan giúp xem xét, phân tích, đánh giá công tác điều hành quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế dân doanh, thực trạng thu hút đầu tư của địa phương làm cơ sở cho việc thực hiện cải cách các chỉ số thành phần PCI nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

10 chỉ số thành phần (thang điểm 100) nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh trong cả nước về chất lượng điều hành gồm:

- Gia nhập thị trường;
- Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất;
- Tính minh bạch;
- Chi phí thời gian;
- Chi phí không chính thức;
- Tính năng động của lãnh đạo tỉnh;
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp;
- Đào tạo lao động;
- Thiết chế pháp lý;
- Cải cách hành chính.



Lãnh đạo tỉnh và VCCI ký thỏa thuận hợp tác hỗ trợ doanh nghiệp

lên nhóm khá, nhưng theo đánh giá của VCCI, vị trí này vẫn còn thấp so với những tiềm năng của tỉnh.

### Một số chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Công thương

Trên cơ sở phát huy những lợi thế so sánh và tiềm năng của tỉnh, để thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến với địa phương, góp phần cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh bền vững, Sở Công thương đã phối hợp với các sở, ban, ngành đồng hành, tham gia cùng các doanh nghiệp thực hiện một số chính sách sau:

#### Hỗ trợ doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tham gia giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm tại các kỳ hội chợ triển lãm.

- Tổ chức cho doanh nghiệp tham dự hội nghị giao thương, kết nối cung - cầu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến nông sản thông qua mô hình liên kết tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp như mô hình "Doanh nghiệp - Hộ kinh doanh - Nông dân", "Doanh nghiệp - Hợp tác xã - Nông dân" tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và một số huyện.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý thị trường như kiểm tra, kiểm soát giá cả,



ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là vào các dịp lễ, Tết; hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp vay vốn dự trữ hàng hóa để tham gia bình ổn giá.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, hộ cá thể phát triển sản xuất - kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thông qua chương trình khuyến công, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Phối hợp với các ngành, địa phương, doanh nghiệp cập nhật thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần gia tăng sản lượng sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp.

### Cải cách hành chính

- Niêm yết công khai các quy trình, chi phí giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Hoàn thiện và từng bước nâng cao chất lượng của bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ theo cơ chế một cửa.

### Hiện đại hóa nền hành chính

- Triển khai áp dụng phần mềm E-Office, hộp thư điện tử công vụ.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của website Sở Công thương nhằm kịp thời cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực quản lý, các thủ tục cấp phép kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, vật liệu nổ công nghiệp, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm,... cho các tổ chức, cá nhân.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ.

### Những giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành

Trong thời gian tới, Sở Công thương tiếp tục thực hiện một số giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh như sau:

### Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo lao động

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm tại các kỳ



Hội thảo Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Lâm Đồng

hội chợ triển lãm; mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu,...

- Phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp lựa chọn xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp và sản phẩm/dịch vụ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ thông qua nguồn vốn khuyến công.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh với công tác trọng tâm là tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính; tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp,...

### Giải pháp cải cách hành chính và tính minh bạch

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án cải cách thủ tục hành chính tại Sở Công thương, phấn đấu 100% hồ sơ tiếp nhận và giải quyết đúng trình tự và thời gian quy định.

- Tham mưu việc rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp, các lĩnh vực có lợi thế so sánh; phát triển các sản phẩm có giá trị và các nguyên liệu, sản phẩm thay thế nhập khẩu.

- Tăng cường công bố thông tin về các chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại; về quy hoạch, kế hoạch đầu tư và phát triển các khu, cụm công nghiệp, chợ, trung tâm thương mại cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hy vọng với những giải pháp của ngành Công thương sẽ góp phần đảm bảo chất lượng điều hành kinh tế - xã hội và cải thiện chỉ số PCI một cách bền vững, đồng thời thúc đẩy các hoạt động đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh của địa phương Lâm Đồng. ■

## HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

**VÕ THỊ HẢO**

Giám đốc Sở Ngoại vụ

Trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chủ động mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với nhiều địa phương trong nước và quốc tế, thu hút được nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào tỉnh.

Cùng với sự quan tâm, hỗ trợ từ Trung ương, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng, công tác đối ngoại của tỉnh trên các mặt ngoại giao Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, hướng đến tự chủ và chủ động hợp tác sâu rộng, hội nhập cùng bạn bè quốc tế đã đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ.

### Ngoại giao kinh tế

Trong công tác ngoại giao Đảng, ngoại giao Nhà nước, thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế, tỉnh Lâm Đồng đã mở rộng các mối quan hệ quốc tế. Đặc biệt, tỉnh đã tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện và tin cậy với tỉnh Champasak thuộc nước CHDCND Lào. Lãnh đạo chính quyền các cấp của cả 2 bên đã triển khai các nội dung hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau một cách hiệu quả trên các lĩnh vực chính trị, nông nghiệp công nghệ cao, giáo dục - đào tạo và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Kể từ năm 2012 cho đến nay, Lâm Đồng đã tài trợ cho tỉnh Champasak gần 19 tỷ đồng để xây dựng các hạng mục, công trình trong lĩnh vực giáo dục,



Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Champasak, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào

Hàng năm, tỉnh Lâm Đồng cử khoảng 70 đoàn (tương đương 150-200 lượt) cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đi khảo sát đầu tư, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại, tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài; cho phép và đón tiếp khoảng 250 đoàn với 1.400 lượt khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh. Cùng với việc tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm, xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, tỉnh Lâm Đồng cũng đã mời và tiếp đón nhiều đoàn lãnh đạo cấp cao và cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh.

nông nghiệp công nghệ cao và hỗ trợ học bổng cao học cho 02 cán bộ của Lào tại Đại học Cần Thơ. Bên cạnh việc duy trì quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống với Đảng bộ tỉnh Champasak, Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đang mở rộng quan hệ hợp tác với Đảng bộ các tỉnh thuộc Trung Lào.

Thực hiện chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, quan hệ hợp tác hữu nghị quốc tế cấp địa phương của tỉnh trong thời gian qua đã có chiều hướng phát triển, không những mở rộng cả về chiều rộng mà còn đi vào chiều sâu, thiết thực. Bên cạnh việc duy trì, phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương thuộc nước CHDCND Lào, tỉnh Lâm Đồng đã ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác với cơ quan hợp tác quốc tế JICA - Nhật Bản và thành phố Guri - Hàn Quốc.

Năm 2012, tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đông Flanders - Vương quốc Bỉ chính thức thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị, tiến hành trao đổi, triển khai các nội dung cùng quan tâm trên các lĩnh vực nông nghiệp và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư song phương. Hai bên đã tiến hành trao đổi đào tạo cán bộ, tổ chức các hội nghị hợp tác kinh tế, xúc tiến đầu tư để thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị, giao lưu kinh tế lẫn nhau.



Lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đông Flanders, Vương quốc Bỉ trao đổi ý định thư về lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao

Ngoài quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác truyền thống, tỉnh cũng đang từng bước xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế với các địa phương khác của Nhật Bản như tỉnh Niigata, thị trấn Kawakami (huyện Minamisaku, tỉnh Nagano). Năm 2014, Đoàn công tác cấp cao của tỉnh Lâm Đồng đã sang thăm và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Nga, tìm hiểu kinh nghiệm thực tế, cách thức, mô hình quản lý tại một số tập đoàn, công ty về du lịch; đồng thời giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, cơ hội kinh doanh, mời gọi các nhà đầu tư Nga đến với Lâm Đồng.

Xác định được vị trí, vai trò của công tác ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân, tỉnh đã rất chú trọng vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế và các nhà đầu tư nước ngoài. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 21 tổ chức phi chính phủ nước ngoài đang hoạt động; 109 dự án FDI đang hoạt động với tổng số vốn đầu tư đăng ký trên 450 triệu USD. Các dự án này đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

### Ngoại giao văn hóa và các vấn đề ngoại giao khác

Cùng với ngoại giao kinh tế, hoạt động ngoại giao văn hóa đã trở thành một trong những mục tiêu quan trọng của tỉnh nhằm hỗ trợ thúc đẩy hội nhập quốc tế, xúc tiến thương mại và giao lưu văn hóa, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của tỉnh; đồng thời giới thiệu, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Lâm Đồng đến với công chúng trong và ngoài nước. Các hoạt động ngoại giao văn hóa được tỉnh Lâm Đồng thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng lồng ghép vào các sự kiện quan trọng như: Hội nghị lần thứ 5 nhóm Tư vấn Hội đồng Liên nghị viện Hiệp

hội các quốc gia Đông Nam Á (AIPA Caucus 5), tháng 5/2013; Hội nghị Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan ASEAN, tháng 6/2014; Hội thảo lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc... cùng các sự kiện lớn khác cũng diễn ra tại Lâm Đồng như Tuần lễ văn hóa Trà tại thành phố Bảo Lộc; Festival Hoa Đà Lạt với sự hiện diện của rất nhiều đoàn khách quốc tế; Tuần văn hóa - du lịch 2013; Công bố năm du lịch quốc gia Tây Nguyên - Đà Lạt 2014.

Ngoài ra, nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác ngoại giao văn hóa tại địa phương, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành *Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2020*. Theo đó, xác định ngoại giao văn hóa nhằm làm cho thế giới hiểu biết hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, tăng cường xây dựng lòng tin với các địa phương trên thế giới, đưa quan hệ giữa tỉnh Lâm Đồng với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững, qua đó nâng cao vị thế của tỉnh trong mắt bạn bè quốc tế, tạo điều kiện hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, các hoạt động ngoại giao văn hóa cũng góp phần tôn vinh và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc khu vực Nam Tây Nguyên; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, làm phong phú và sâu sắc thêm bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.



Lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng gặp mặt bà con kiều bào nhân dịp đầu xuân

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chủ trương của Đảng, Nhà nước trong công tác đại đoàn kết toàn dân tộc, hàng năm tỉnh Lâm Đồng phối hợp với Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài - Bộ Ngoại giao tổ chức buổi gặp mặt thân mật hàng trăm bà con kiều bào từ khắp nơi trên



thế giới về quê hương đón Tết; đoàn thanh niên kiều bào tiêu biểu về tham dự Trại hè Việt Nam. Đây là dịp để lãnh đạo tỉnh gặp gỡ, thông báo với bà con về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh và chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, qua đó góp phần quảng bá du lịch, xúc tiến đầu tư thương mại, kêu gọi bà con kiều bào đầu tư phát triển tỉnh nhà.

Thông tin đối ngoại cũng là một nội dung quan trọng được tỉnh đặc biệt quan tâm. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quản lý Nhà nước về thông tin đối ngoại tiếp tục được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho việc thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hoạt động đối ngoại tại địa phương.

Như vậy, có thể thấy rằng hoạt động đối ngoại của tỉnh ngày càng chủ động, tích cực và diễn ra phong phú ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hoạt động đối ngoại đã góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh, đồng thời tăng cường sự hiểu biết giữa địa phương với các tổ chức quốc tế, các vùng/miền nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đã đạt được, công tác đối ngoại của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế: Hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch vào tỉnh tuy có bước phát triển nhưng kết quả chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có; mối quan hệ hợp tác với một số địa phương chưa phát huy được thế mạnh của mỗi bên, chưa thực sự gắn kết được với hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch.

### **Nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm trong thời gian tới**

Trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, để góp phần triển khai đường lối đối ngoại “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” của Đảng, duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được, trong thời gian tới tỉnh Lâm Đồng xác định một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục triển khai toàn diện công tác đối ngoại trên tất cả các mặt công tác:

*Một là*, tích cực và chủ động trong hoạt động đối ngoại, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở vị thế quốc tế mà Việt Nam đã đạt được trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục triển khai hoạt động đối ngoại Đảng, phát triển quan hệ hợp tác với các

đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương khác ở các nước trên thế giới.

*Hai là*, tiếp tục tạo môi trường đầu tư thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài, tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính; chủ động tìm kiếm, phát triển quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác có tiềm năng kinh tế, khoa học - công nghệ; triển khai đồng bộ, tập trung thực hiện các thỏa thuận hợp tác hữu nghị, hai bên cùng có lợi, hướng đến phát triển bền vững; tăng cường ngoại giao kinh tế theo hướng thực chất, hiệu quả; tăng cường hoạt động vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, tích cực và chủ động triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch với các đối tác, khai thác các thị trường tiềm năng; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Ngoại giao, thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu hình ảnh, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra bạn bè thế giới, đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch, đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa trên địa bàn tỉnh.

*Ba là*, củng cố các quan hệ hợp tác hữu nghị vốn có, đưa các quan hệ đi vào chiều sâu, mang lại những hiệu quả thiết thực, đồng thời thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác mới để mở rộng quan hệ quốc tế nhằm góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Bốn là*, tổ chức tuyên truyền, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh về vị trí, vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đồng thời tỉnh cần xây dựng cơ chế phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại của địa phương vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, thông thạo ngoại ngữ để có thể đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại trong tình hình mới.

Đồng hành cùng quá trình hội nhập quốc tế của cả nước, các hoạt động đối ngoại của tỉnh Lâm Đồng đã góp phần vào việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hy vọng trong thời gian tới, các hoạt động đối ngoại của địa phương sẽ ngày càng phát triển, tạo động lực to lớn, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế của tỉnh Lâm Đồng. ■

## KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2008 TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2013

**LÊ XUÂN PHÚC**

*Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

Thực hiện Quyết định số 144/2006/TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 trong các cơ quan hành chính nhà nước (HCNN); Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/TTg và Quyết định 2968/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL cho các loại hình cơ quan nhà nước địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan HCNN trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2013.

Theo lộ trình từ năm 2011 đến 2013, toàn tỉnh có 49 đơn vị phải áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

### **Những kết quả đạt được**

Sau 3 năm triển khai, đến nay toàn tỉnh đã có 43/49 đơn vị được cấp chứng nhận và thực hiện công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 gồm 16 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 14 cơ quan chuyên môn thuộc Sở; 12 UBND các huyện, thành phố và UBND thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng. Hiện nay, có 4 đơn vị triển khai chậm so với kế hoạch do thay đổi bộ thủ tục hành chính hoặc liên quan đến vấn đề kinh phí, nhân sự; 2 đơn vị không triển khai do tính chất đặc thù của ngành.

Việc áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 đã mang lại hiệu quả thiết thực cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

- Xây dựng quy trình giải quyết công việc một cách khoa học, cải tiến phương pháp làm việc; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, giúp đơn giản hóa quy trình, tiết kiệm thời gian giải quyết và chờ

đợi của người dân, giảm đáng kể các tiêu cực trong quá trình thực thi nhiệm vụ của cán bộ công chức.

- Các thủ tục hành chính được quy định cụ thể, khoa học, phù hợp với xu hướng xây dựng nền hành chính hiện đại. Việc công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính giúp người dân có thể theo dõi, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Áp dụng HTQLCL giúp nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ. Hệ thống hồ sơ, tài liệu được bố trí, sắp xếp ngăn nắp, khoa học, tạo thuận lợi và tiết kiệm thời gian trong việc tìm kiếm, truy xuất số liệu, hồ sơ văn bản.

- Tạo điều kiện triển khai ứng dụng công nghệ thông tin giúp quá trình xử lý công việc nhanh, chính xác và hiệu quả hơn.

- Giúp quá trình kiểm soát kết quả thực hiện công việc thuận lợi, dễ dàng và là căn cứ để lãnh đạo đơn vị đánh giá đúng trình độ, năng lực, phẩm chất, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công chức.

### **Một số hạn chế**

Bên cạnh những hiệu quả đạt được, việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém cần khắc phục:

- Do sự biến động về cơ cấu tổ chức tại các đơn vị, một số cán bộ, công chức chưa có kinh nghiệm trong việc áp dụng HTQLCL, chưa được đào tạo kịp thời, ý thức trách nhiệm với công việc còn hạn chế.

- Một số cán bộ, công chức quen thực hiện công việc theo nếp cũ nên thường có tâm lý ngại thay đổi, không nhiệt tình với cách làm mới.

- Một vài đơn vị áp dụng HTQLCL mang tính hình thức, chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của việc áp dụng và duy trì HTQLCL nên hiệu quả thấp, thậm chí chưa đạt yêu cầu.

- Lãnh đạo một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL tại đơn vị.

**Một số khó khăn, vướng mắc****Đối với đơn vị áp dụng**

Văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng bộ và hay thay đổi nên bộ thủ tục hành chính, các thủ tục hướng dẫn, biểu mẫu cũng phải thay đổi nên việc xây dựng, ban hành các quy trình áp dụng chưa kịp thời.

Trụ sở làm việc một số đơn vị còn chật hẹp, cơ sở vật chất còn hạn chế...

Do quá trình tách, nhập, tái cơ cấu một số đơn vị hành chính nên ảnh hưởng đến vấn đề nhân sự, phải đào tạo lại nhận thức về các vấn đề liên quan đến HTQLCL theo ISO 9000, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và gặp nhiều khó khăn.

**Đối với đơn vị tư vấn, chứng nhận**

Đơn vị tư vấn, chứng nhận triển khai còn chậm gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của một số đơn vị.

Chất lượng đào tạo do một số đơn vị tư vấn thực hiện tại các cơ quan hành chính nhà nước chưa đảm bảo, còn mang tính hình thức, chưa chú trọng nghiên cứu, vận dụng vào điều kiện thực tế tại đơn vị nên hiệu quả áp dụng còn bị hạn chế.

Sự phối hợp giữa đơn vị tư vấn và đơn vị áp dụng chưa chặt chẽ, thiếu nhịp nhàng. Một số chuyên gia tư vấn chưa có kinh nghiệm về hoạt động quản lý nhà nước, năng lực hạn chế nên ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động tư vấn. Vẫn còn xảy ra tình trạng một số quy trình được sao chép giữa các đơn vị áp dụng, không sát với thực tế của từng đơn vị, gây khó khăn cho quá trình áp dụng.

**Kinh phí áp dụng, duy trì:** việc cấp phát kinh phí còn chậm trễ, chưa kịp thời.

**Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng HTQLCL trên địa bàn tỉnh**

Ngày 05/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, để tiếp tục thực hiện mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ; triển khai thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg tại địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 phê duyệt Kế hoạch áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

Các đơn vị hành chính trong tỉnh phải xây dựng và áp dụng HTQLCL gồm: UBND tỉnh, UBND các

huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, huyện, thành phố. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị thực hiện: Ngân hàng Chính sách Xã hội; Ngân hàng Phát triển Việt nam; UBND xã, phường, thị trấn; đơn vị sự nghiệp công lập.

Điểm mới trong nội dung Quyết định 19/QĐ-TTg lần này là các đơn vị áp dụng có thể thuê tổ chức tư vấn độc lập hướng dẫn, tư vấn hoặc tự xây dựng HTQLCL theo quy định. Cơ quan áp dụng HTQLCL tự công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2008 và thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp, niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử cơ quan.

Quyết định 2502/QĐ-UBND cũng đã quy định rõ trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan, các đơn vị hành chính chủ động thực hiện, phối hợp hành động, phát huy hiệu quả của việc xây dựng, áp dụng và duy trì, cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính, góp phần đắc lực vào công cuộc CCHC theo chủ trương của Chính phủ, hướng tới xây dựng một nền hành chính công hiện đại, khoa học, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ mới.

**Một số đề xuất, kiến nghị**

Trong thời gian tới, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét, hỗ trợ, chỉ đạo thực hiện một số nội dung:

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc và phần mềm theo hướng hiện đại hoá cho các đơn vị hành chính; tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý thông tin, tra cứu văn bản và giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân...

- Sớm phê duyệt bộ thủ tục hành chính theo các văn bản quy phạm pháp luật mới để các đơn vị có căn cứ thực hiện.

- Chỉ đạo Sở Tài chính kịp thời bố trí và cấp kinh phí xây dựng, áp dụng, duy trì để các đơn vị có điều kiện triển khai thực hiện theo đúng tiến độ quy định.

- Chỉ đạo, quán triệt các cơ quan truyền thông, các đơn vị có liên quan nỗ lực thực hiện Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Có biện pháp xử lý kiên quyết và kịp thời đối với các đơn vị chưa thực hiện hoặc thực hiện chậm tiến độ để đảm bảo việc triển khai áp dụng TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước đúng theo quy định. ■



## TƠ LỤA BẢO LỘC TRÊN ĐƯỜNG XÂY DỰNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

**ĐỖ VĂN CHIẾN**

Phòng Kinh tế thành phố Bảo Lộc

### Thực trạng hoạt động trồng dâu, nuôi tằm tại Bảo Lộc

Với nền nhiệt độ từ 22-28°C thuận lợi cho việc phát triển những giống tằm lưỡng hệ có chất lượng cao và cây dâu, Bảo Lộc là địa phương có nghề trồng dâu, nuôi tằm và ươm tơ phát triển sớm so cả nước. Trước năm 1975, nơi đây đã có Trung tâm nghiên cứu Tằm tang thuộc Ty Nông nghiệp Lâm Đồng. Sau năm 1975, Trại giống tằm Trung ương tiền thân của Công ty cổ phần Tổng công ty Dâu tằm tơ Việt Nam được thành lập. Hiện Bảo Lộc có nhiều doanh nghiệp ươm tơ, se sợi, dệt lụa đang hoạt động sản xuất như Công ty cổ phần Tơ lụa Bảo Lộc, Công ty cổ phần Tơ tằm Á Châu, Công ty Kimono Japan, Công ty TNHH Dệt tơ tằm Vietsilk, Công ty cổ phần Tơ lụa Đông Lâm, Công ty TNHH xe tơ dệt lụa Hà Bảo, Công ty TNHH Tơ tằm Phú Cường,... và gần 30 cơ sở ươm tơ, dệt lụa khác. Với điều kiện đất đai, khí hậu và thời tiết có nhiều thuận lợi để phát triển ngành nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa nên diện tích trồng dâu nhanh chóng phát triển có thời kỳ lên đến trên 3.000 ha.

Tuy nhiên, ngành trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa của Bảo Lộc hiện cũng còn nhiều khó khăn, do sự cạnh tranh của thị trường tơ thế giới, do giá các loại nông sản khác luôn biến động, do thu nhập thấp hơn so với mặt bằng chung của các cây trồng khác như trà, cà phê. Mặt khác, chất lượng cây dâu, nuôi tằm còn tương đối thấp; trong khi giống dâu, tằm chủ yếu là nhập nội; khâu chuyển giao công nghệ và kỹ thuật



Dây chuyền ươm tơ tự động ở Cơ sở ươm tơ Phú Cường (xã Đại Lào, Tp. Bảo Lộc)

chưa được chú trọng nên năng suất dâu, kén, tơ thấp giá thành không ổn định.

Công tác quản lý nhà nước về sản xuất, cung ứng giống tằm không chặt chẽ, chưa xây dựng được những mô hình thâm canh dâu, tằm hiệu quả để người dân tham khảo, học tập. Phát triển dâu, tằm còn mang tính quảng canh, theo phong trào, vì thế chất lượng tơ kén thấp, giá thành không ổn định, sức cạnh tranh kém. Các đơn vị chế biến tơ có một thời kỳ lâm vào cảnh khó khăn, thua lỗ kéo dài. Đây là thực trạng diễn ra thời gian qua làm cho ngành dâu tằm tại địa phương phát triển không ổn định, kém hiệu quả và thiếu bền vững.

Qua những giai đoạn thăng trầm, hiện nay, diện tích trồng dâu tằm của thành phố khoảng 248 ha, với sản lượng lá dâu trung bình đạt 5.000 tấn/năm. Các giống dâu chính được trồng như S7-CB (khoảng 45%), VA 201 (khoảng 50%), Bàu đen (khoảng 3-5%), số còn lại là giống Sa nhị luân và Quế ưu (Trung Quốc). Các giống tằm chính được nuôi như giống Lương Quảng (Trung Quốc) chiếm khoảng 90%, giống LTQ (Việt Nam) chiếm khoảng 10%.

Chính quyền, địa phương đã hỗ trợ người dân chuyển đổi sang các giống dâu mới cho năng suất cao, giá kén ổn định. Cùng với việc áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật từ trồng, thâm canh giống dâu đến kỹ thuật nuôi tằm chất lượng cao đã làm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng kén đã tạo ra nguồn thu nhập tăng ổn định dẫn đến việc trồng dâu nuôi tằm tại địa phương ngày càng dần khôi phục và phát triển.



Hội thảo "Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Tơ lụa Bảo Lộc"

### Tình hình sản xuất kinh doanh tơ lụa

Ngành sản xuất chế biến tơ lụa hiện trên địa bàn thành phố đã được đầu tư xây dựng với hệ thống các nhà máy chế biến tơ tầm quy mô lớn, tạo việc làm cho hàng ngàn lao động nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Giá trị sản xuất ngành dâu tằm tơ đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công nghệ sản xuất chế biến tơ lụa và các sản phẩm dệt may từ tơ lụa của Bảo Lộc đã được đầu tư rất cơ bản với nhiều thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất cao (chiếm 75% năng lực ươm tơ, 70% năng lực se tơ dệt lụa của cả nước), tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, xuất khẩu ra nhiều nước như: EU, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Bangladesh,... Các sản phẩm sợi tơ, lụa tơ tằm xuất xứ từ Bảo Lộc chủ yếu được xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, có uy tín cao.

Nhìn chung, ngành dâu tằm trong thời gian qua đã có những bước phát triển tích cực, diện tích cây dâu, giá trị sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm tơ, lụa có sự tăng trưởng cao (giá trị xuất khẩu tơ lụa chiếm 5,6% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của thành phố năm 2013) đóng góp một phần vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

Các sản phẩm của tơ tằm được tiêu dùng trong nội địa và xuất khẩu qua các thị trường như: Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ, Lào, Campuchia, Italia, Pháp,...

**Tổng giá trị xuất khẩu ngành dâu tằm theo thống kê năm 2013 đạt khoảng 27,317 triệu USD.**

**10 tháng 2014 đã sản xuất được 833 tấn sợi - giá trị xuất khẩu 3,78 triệu USD ; 2,723 triệu m<sup>2</sup> lụa tơ tằm - giá trị xuất khẩu 5,533 triệu USD.**

Tuy nhiên, hiệu quả của xuất khẩu tơ tằm hiện nay của Bảo Lộc còn chưa cao do một số nguyên nhân sau:

- Doanh nghiệp chưa kiểm soát được chất lượng nguyên liệu đầu vào do mua trôi nổi trên thị trường nên chất lượng kén, tơ thường không ổn định, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu.

- Sản phẩm chưa phong phú, chưa có sự chủ động trong việc đầu tư tạo ra các sản phẩm mới ngoài việc gia công cho các đơn vị nước ngoài khi có đơn hàng,...

- Đa số các cơ sở sản xuất chưa quan tâm đầu tư đổi mới nhà xưởng, thiết bị và công nghệ chế



Đ/c Nguyễn Xuân Tiến thăm Công ty Cổ phần Tơ lụa Đông Lâm tại Khu công nghiệp Lộc Sơn

biến (thiết bị thường không đồng bộ, nhà xưởng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất).

- Hầu hết các doanh nghiệp vẫn sản xuất theo quy mô gia đình, cán bộ chuyên trách việc quản lý chất lượng rất hạn chế, nếu có thì chỉ là kiêm nhiệm; trình độ quản lý chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và yêu cầu của thị trường.

- Thương hiệu sản phẩm Tơ lụa Bảo Lộc chưa được nhiều người biết đến. Hiện tại đa số doanh nghiệp vẫn bán sản phẩm tại thị trường nước ngoài bằng thương hiệu của VISERI hoặc các thương hiệu nước ngoài.

### Định hướng phát triển trong thời gian tới

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Bảo Lộc giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với định hướng cơ cấu ngành sản xuất nông nghiệp gắn với ngành công nghiệp chế biến, phát huy thế mạnh của vùng nguyên liệu tại địa phương, ngoài các ngành chủ lực như: chè, cà phê, Bảo Lộc sẽ được xây dựng thành trung tâm sản xuất chế biến lụa tơ tằm của tỉnh. Theo đó, thành phố sẽ tổ chức quy hoạch phát triển sản xuất dâu tằm theo hướng gắn vùng nguyên liệu với phát triển các nhà máy công nghệ tiên tiến, gắn nhà máy với người trồng dâu, nuôi tằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm tơ kén trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện việc quy hoạch, sắp xếp hợp lý các nhà máy ươm tơ, dệt lụa trên địa bàn; xác định vùng nguyên liệu trọng điểm để tiếp nhận, đầu tư hệ thống máy móc hiện đại. Tăng cường đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật; tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ.

Các doanh nghiệp tại địa phương cần nắm bắt thời cơ, tiếp tục xúc tiến phát triển cả các

(Xem tiếp trang 24)

## HỘI NÔNG DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

### TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG NÔNG NGHIỆP

**NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI**

*Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng*

**L**âm Đồng là một tỉnh nông nghiệp miền núi, dân số trên 1,23 triệu người với hơn 40 dân tộc đang sinh sống; trong đó dân cư nông thôn chiếm trên 62%; riêng đồng bào dân tộc thiểu số có 62.199 hộ với 257 ngàn người, chiếm 21% dân số toàn tỉnh. Lâm Đồng có nhiều tiểu vùng sinh thái khác nhau, vì vậy cơ cấu cây trồng rất đa dạng. Việc đầu tư KH&CN, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao là một trong những giải pháp thúc đẩy ngành nông nghiệp, nông thôn của địa phương phát triển, giúp nông dân nâng cao đời sống.

Để góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất nông nghiệp cho nông dân, trong những năm qua, Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng đã chủ động phối hợp với các sở, ngành vận động nông dân ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, các quy trình canh tác, biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, ứng dụng công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất.

#### **Một số kết quả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Lâm Đồng**

Trong lĩnh vực chọn tạo, việc nhân giống và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng tốt luôn được chú trọng. Các giống rau, hoa, chè chất lượng cao, các dòng cà phê cao sản, giống lúa chất lượng cao, giống bắp mới... đã được nông dân đưa vào sản xuất và phát triển với tỷ lệ cao. Hiện nay, tỷ lệ giống mới trong sản xuất cây lương thực chiếm 90%; cây công nghiệp dài ngày chiếm 46%. Riêng đối với rau, hoa tỷ lệ này chiếm 80% với trên 100 loại rau, 80 loại hoa, 2 giống chè cao sản, 4 giống chè chất lượng cao, 3 giống dâu tằm mới, 6 dòng cà phê vối cao sản.

Trong trồng trọt, diện tích rau gieo trồng trên 48 ngàn ha, sản lượng 1,7 triệu tấn; hoa đạt trên 5.148 ha, sản lượng ước đạt 2.352 triệu cành; cà phê đạt 151 ngàn ha, sản lượng 398 ngàn tấn; chè đạt 23,82 ngàn ha, sản lượng đạt trên 224 ngàn tấn. Năng suất, sản lượng một số cây trồng đều tăng trưởng, bình quân như ở lúa là 3%/năm, cà phê - 5%/năm, chè - 3%/năm, cây ăn quả - 10%/năm. Một số cây trồng có giá trị cao như cây rau đạt bình quân 200 triệu đồng/ha/năm, cà phê: 85 triệu đồng/ha/năm, hoa:

trên 400 triệu đồng/ha/năm; nhiều mô hình sản xuất cho doanh thu từ 500-1.000 triệu đồng/ha.

Thông qua việc ứng dụng có hiệu quả về giống, công nghệ tưới, kỹ thuật canh tác đã nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập trên cùng đơn vị diện tích sản xuất; diện tích canh tác ứng dụng công nghệ cao là 39.237 ha (trong đó rau, hoa, cây đặc sản là 14.036 ha; chè - 5.635 ha; cà phê trên 15.335 ha; lúa chất lượng cao - 3.585 ha).

Toàn tỉnh có trên 50 cơ sở nhân giống ứng dụng nuôi cấy mô tế bào thực vật, hàng năm cung cấp cho thị trường trên 20 triệu cây giống, chủ yếu là các giống rau, hoa cao cấp.

Trong chăn nuôi, tỷ lệ giống mới trong tổng đàn ngày càng tăng. Xu hướng chăn nuôi trang trại từng bước phát triển, ngày càng xuất hiện nhiều trang trại quy mô lớn như chăn nuôi gà quy mô trên 15.000 con, heo thịt quy mô trên 1.000 con, heo nái sinh sản trên 400 con, bò thịt có quy mô trên 500 con và bò sữa trên 750 con.

#### **Tăng cường hoạt động dạy nghề và hỗ trợ nông dân**

Trong 5 năm qua, Trung tâm Hỗ trợ Nông dân của Hội Nông dân tỉnh đã trực tiếp và phối hợp với Hội Nông dân các huyện/thành, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp & PTNT mở 166 lớp dạy nghề ngắn hạn với 11.896 học viên (trong đó học viên là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15%), với các ngành nghề đào tạo chủ yếu là thú y, chăn nuôi, trồng trọt, chăm sóc cà phê, cao su, trồng dâu nuôi tằm, trồng nấm, cách bón và ủ phân, sửa chữa máy nông nghiệp,... Từ nguồn hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ, Hội Nông dân tỉnh đã triển khai thực hiện dự án AFD (Pháp) "Nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu rau, củ, quả tại Đà Lạt và vùng phụ cận" với kinh phí 397.000 Euro; dự án Heifer (Mỹ) đầu tư chăn nuôi bò "Phát triển cộng đồng toàn diện" cho 60 hộ với kinh phí 1 tỷ đồng; 2 dự án về môi trường do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đầu tư với kinh phí 210 triệu tại xã Mỹ Lâm (huyện Cát Tiên) và phường 7 (Tp. Đà Lạt); 2 dự án phát triển sản xuất chuỗi La Ba và đề xuất mô hình quản lý hiệu quả các cơ sở nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tại Đà Lạt từ nguồn vốn khoa học công nghệ.





Tổ hợp tác Đoàn Kết, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm trao đổi kinh nghiệm sản xuất cà phê

Bên cạnh đó, Hội Nông dân các huyện còn triển khai thực hiện một số dự án chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi như trồng Diệp hạ châu và lúa chất lượng cao (huyện Cát Tiên), bắp lai (huyện Lạc Dương), nuôi cá nước ngọt, ủ men ca cao (huyện Đạ Tẻh)...

Bên cạnh đó, Hội Nông dân các cấp trong tỉnh đã tích cực tuyên truyền vận động nông dân sản xuất rau, chè theo tiêu chuẩn VietGAP; hình thành các tổ, nhóm sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn 4C, UTZ...

Toàn tỉnh hiện có 211 nhân viên khuyến nông cấp xã, 1.037 cộng tác viên khuyến nông cấp thôn, chủ yếu là cán bộ của Hội Nông dân để thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông cơ sở. Bên cạnh đó, Hội cũng đang triển khai Đề án củng cố lực lượng thú y cơ sở, hướng đến việc hình thành mạng lưới thú y phủ kín các xã nhằm hướng dẫn người dân kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh. Từ nhiều nguồn vốn khác nhau, thời gian qua, Hội Nông dân đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh và huyện tổ chức 1.637 lớp tập huấn, hội thảo chuyên giao tiến bộ kỹ thuật cho 62.717 lượt người tham dự; xây dựng 3.301 mô hình, điểm trình diễn khảo nghiệm chuyển giao kỹ thuật canh tác trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp... nhằm giúp nông dân ứng dụng nhanh các chương trình khoa học công nghệ đã được nghiên cứu thành công vào sản xuất.

Nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, Hội Nông dân đã phối hợp cùng với VNPT hướng dẫn nông dân truy cập thông tin khoa học công nghệ từ internet và tại các điểm bưu điện văn hóa xã cũng như trên trang thông tin điện tử của Hội.

### Hỗ trợ nông dân tiếp cận các nguồn vốn

Trong những năm qua, Hội Nông dân tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động dịch vụ, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh như tín chấp



Câu lạc bộ những hộ làm vườn có thu nhập cao xã Hà Lâm, huyện Đạ Huoai

với các doanh nghiệp giúp nông dân đầu tư phân bón, máy nông nghiệp với phương thức trả trước 50% giá trị; tổ chức hơn 1.000 tổ tiết kiệm và vay vốn, nhận ủy thác từ Ngân hàng Chính sách Xã hội cho hơn 37.000 nông dân với số tiền trên 780 tỷ đồng. Từ nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các cấp Hội trong tỉnh đã xây dựng 90 mô hình trồng trọt và chăn nuôi cho 1.138 hội viên vay với gần 20 tỷ đồng đầu tư triển khai các mô hình chăn nuôi heo hướng nạc, nuôi bò sinh sản, phát triển đàn bò sữa; nuôi trồng các đối tượng thủy sản, truyền thống và phát triển chăn nuôi cá nước lạnh (cá Hồi, cá tầm Nga) với thu nhập 4,5 tỷ/ha/năm.

Hội còn vận động nông dân tham gia các mô hình câu lạc bộ để chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, tiêu thụ sản phẩm như câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ IPM, câu lạc bộ ca cao, câu lạc bộ các nông dân sản xuất sầu riêng có thu nhập trên 200 triệu và nhiều chi hội, tổ kinh tế hợp tác khác. Tháng 02/2014, Hội sản xuất cà phê bền vững tỉnh Lâm Đồng đi vào hoạt động nhằm giúp nông dân nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến cà phê, hình thành các mô hình liên kết sản xuất cà phê bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế như 4C, UTZ; đồng thời tăng sản lượng cà phê xuất khẩu và có kế hoạch hỗ trợ nông dân sản xuất cà phê sạch chất lượng cao tạo ra thị trường ổn định cho cả người sản xuất và người tiêu dùng sản phẩm cà phê; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của cà phê Lâm Đồng trên thị trường.

Từ những hoạt động trên, tổ chức Hội đã góp phần đưa giá trị sản xuất trên 1 ha từ 76,2 triệu đồng năm 2010 lên 122,2 triệu đồng năm 2013; thu nhập bình quân đầu người từ 19,3 triệu đồng năm 2010 lên 44,8 triệu đồng năm 2014; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,8%/năm và hàng năm có trên 50.000 hộ nông dân đạt danh hiệu hộ sản xuất kinh doanh giỏi, chiếm hơn 50% số hội viên đăng ký. ■

## TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### Tin nghiệm thu đề tài, dự án

Trong quý IV năm 2014, Hội đồng KH&CN cấp tỉnh đã tiến hành họp nghiệm thu các đề tài, dự án với kết quả như sau:

- Đề tài “*Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Lâm Đồng*” do Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng chủ trì thực hiện trong 2 năm (2012-2014) nhằm nghiên cứu ứng dụng biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật để có thể thay thế ít nhất 50% thuốc hóa học độc hại, giúp nông dân tuân thủ đầy đủ các quy trình sản xuất rau thương phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Đề tài đã xác định thành phần sâu hại và thiên địch trên 4 loại cây rau chính (cải bắp, cà chua, ớt ngọt, khoai tây trồng trong nhà kính, nhà lưới và ngoài đồng ruộng); đánh giá vai trò một số loài thiên địch phổ biến trong quản lý sâu hại rau và khả năng sử dụng chúng trong sản xuất rau an toàn theo VietGAP; xác định đặc điểm sinh học các loài sâu hại rau (vòng đời, tập tính sinh học, khả năng ký sinh, bắt mồi...); thực hiện 4 mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP; hoàn thiện quy trình phòng trừ tổng hợp các loại sâu, bệnh hại ở 4 loại rau trên.

Kết quả của đề tài là cơ sở bổ sung các biện pháp công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật vào quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế cải bắp, cà chua, ớt ngọt và khoai tây ở Lâm Đồng nhằm giảm thiểu việc sử dụng thuốc hóa học, góp phần nâng cao giá trị sản xuất, sản phẩm rau Lâm Đồng ngày càng chất lượng và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại Khá.

- Dự án “*Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ để phát triển bền vững nghề trồng dâu, nuôi tằm ở huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng*” do UBND huyện Lâm Hà phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng thực hiện từ tháng 7/2011 đến tháng 6/2014. Đây là dự án thuộc chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015.

Dự án nhằm trồng mới và thâm canh 35 ha giống dâu mới S7-CB, VA-201 với năng suất thời

kỳ kinh doanh đạt trên 20 tấn/ha/năm; cải tạo 25 ha dâu hiện có của địa phương đạt năng suất 15 tấn lá/ha/năm; sản xuất 6.000 hộp trứng tằm theo mô hình tằm con nuôi tập trung; xây dựng mô hình liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ kén; đào tạo các kỹ thuật viên và nông dân về kỹ thuật trồng, thâm canh giống dâu mới và kỹ thuật nuôi tằm tiên tiến.

Sau thời gian triển khai, dự án đã hoàn thiện các quy trình công nghệ và chuyển giao cho các hộ nông dân gồm: quy trình trồng và chăm sóc giống dâu S7-CB và VA-201; quy trình cải tạo vườn dâu cũ; quy trình tưới nước cho cây dâu; quy trình nuôi tằm con tập trung; quy trình nuôi tằm lấy kén ươm; quy trình nuôi tằm 2 giai đoạn; quy trình phòng trừ dịch hại trên tằm và quy trình trở lụa sấy kén, phân loại, bảo quản kén.

Bên cạnh đó, dự án đã xây dựng mô hình cải tạo vườn dâu giống cũ bằng biện pháp canh tác; mô hình nuôi tằm con tập trung; mô hình nuôi tằm lớn trên nền nhà; mô hình nuôi tằm lấy kén ươm tại hộ nông dân; mô hình liên kết từ sản xuất dâu, nuôi tằm đến tiêu thụ trứng.

Các mô hình đã góp phần cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và thu nhập cho nông dân; hướng đến sản xuất nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường. Dự án được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại Xuất sắc.

### Xét duyệt đề cương và tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2015

Thực hiện kế hoạch KH&CN năm 2015 được UBND tỉnh phê duyệt, Sở KH&CN đã tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương và tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2015.

Đến nay, đã hoàn thành việc xét duyệt 3 nhiệm vụ chỉ định do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Công nghệ mới chủ trì thực hiện; tổ chức hội đồng tuyển chọn đối với 3 nhiệm vụ. Các nhiệm vụ chỉ định đang được tiến hành thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt để có thể tiến hành ký hợp đồng thực hiện trước tháng 3/2015.

### Kiểm tra tiến độ đề tài, dự án

Vừa qua, theo quy định về quản lý các nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN đã tiến hành kiểm tra tiến độ, khảo sát các mô hình thực tế 23 nhiệm vụ thuộc giai đoạn 2013-2014 theo thuyết minh đề cương và hợp đồng nghiên cứu khoa học.

Kết quả kiểm tra cho thấy, trên 90% các nhiệm vụ đảm bảo tiến độ được phê duyệt theo thuyết minh đề cương. Một số nhiệm vụ triển khai chậm do gặp những khó khăn trong quá trình thực hiện. Đoàn kiểm tra đã hướng dẫn, giải quyết kịp thời đảm bảo các nhiệm vụ triển khai đúng quy định và tiến độ.

### Hoạt động phân tích - chứng nhận chất lượng

Trong năm 2014, Trung tâm Phân tích và Chứng nhận Chất lượng đã phân tích 2.682 mẫu gồm 9.316 chỉ tiêu hóa lý, 1.743 chỉ tiêu vi sinh, 1.195 chỉ tiêu vật liệu xây dựng, đạt 108% kế hoạch.

Đến nay, Trung tâm đã cấp chứng nhận chất lượng cho 52 đơn vị (năm 2014 là 28 đơn vị), gồm chứng nhận VietGAP - 48 đơn vị; chứng nhận sản phẩm - 4 đơn vị. Nhằm tăng cường năng lực phân tích và kiểm nghiệm, Trung tâm đã sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng thử nghiệm vi sinh và phòng kiểm nghiệm đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

### Hoạt động lưu giữ nguồn gen tại Trung tâm Ứng dụng KH&CN

Hoạt động lưu giữ nguồn gen đã được Trung tâm Ứng dụng KH&CN tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2014, đến nay, đã lưu giữ 51 chủng, loài nấm ăn, nấm dược liệu; 7 chủng men vi sinh; 6 chủng nấm ký sinh côn trùng; phục tráng 5 loài nấm ăn, nấm dược liệu (nấm Notaky, nấm bào ngư Kim Đình, nấm bào ngư Tím, nấm Hương, nấm Linh chi đỏ Đà Lạt). Trong lĩnh vực cây trồng, đã lưu giữ được 14 loại với 52 giống gồm các loại cúc, địa lan, phong lan, lan Ý, hồng môn, cẩm chướng, phúc bồn tử, khoai môn sáp, khoai tây, dâu tây, atiso, cây Yuca, chuối, lá bép...

### Tăng cường hoạt động chuyển giao KH&CN

Năm 2014, hoạt động chuyển giao KH&CN cho các đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh tại Trung tâm Ứng dụng KH&CN đã tăng cường, góp phần mang lại nguồn thu dịch vụ cho đơn vị như cung cấp 2.400 cây giống khoai môn cấy mô cho

dự án “Xây dựng mô hình sản xuất khoai môn thương phẩm từ nguồn giống nuôi cấy invitro”; 4.000 bịch phôi nấm Mộc nhĩ cho dự án “Xây dựng mô hình trồng nấm Mộc nhĩ trên đĩa bàn huyện Lạc Dương”; lắp đặt thử nghiệm mô hình tưới phun mưa bằng năng lượng mặt trời tại xã Phú Hội theo nội dung dự án “Xây dựng mô hình tưới nhỏ giọt bằng năng lượng mặt trời”; tổ chức 7 đợt theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của mô hình trồng cỏ Stylo và cam Cara cara; cung cấp hạt giống cỏ Stylo cho dự án nông thôn miền núi “Xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất chất lượng một số nông sản tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng”...

Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng nấm, rau, hoa, ủ phân vi sinh từ vỏ cà phê tại thành phố Đà Lạt, các huyện Lâm Hà, Di Linh và Đam Rông; đào tạo kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật cho cán bộ của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN (Bình Thuận), Trung tâm Công nghệ sinh học (An Giang), Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN (Lạng Sơn)...

### Đẩy mạnh hoạt động thanh tra KH&CN

Năm 2014, Thanh tra Sở KH&CN đã thực hiện 7 cuộc thanh tra tại 276 đơn vị, tiến hành xử phạt 32 vụ vi phạm với số tiền trên 130 triệu đồng, gồm: thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp tại 25 cơ sở sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, điện tử, 46 cơ sở kinh doanh xăng dầu; thanh tra chuyên đề về phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ tại 110 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, trong đó có 28 cơ sở vi phạm với số tiền phạt trên 80 triệu đồng; tham gia đoàn thanh tra của Cục An toàn bức xạ tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và đoàn thanh tra Tổng cục TC-ĐL-CL về đo lường tại Công ty Điện lực Lâm Đồng. Bên cạnh đó, Thanh tra Sở còn thực hiện thanh tra đối với 5 đề tài, dự án KH&CN; phối hợp với Chi cục TC-ĐL-CL kiểm tra 114 cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, taximet, công tơ điện, đồ chơi trẻ em, qua đó đã phát hiện và xử lý 4 trường hợp vi phạm với số tiền trên 50 triệu đồng.

Với những kết quả đạt được, Thanh tra Sở KH&CN Lâm Đồng đã nhận được bằng khen của Bộ KH&CN năm 2014. ■



## DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện
1	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình giảm thiểu tác động bất lợi của các yếu tố môi trường miền cao nguyên đến hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá tác động bất lợi do đặc điểm môi trường khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, mưa lũ,...) miền cao nguyên đến vũ khí trang bị, công trình quân sự và hoạt động tác chiến. Đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang tỉnh Lâm Đồng.	Viện Công nghệ mới Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng
2	Nghiên cứu tuyển chọn một số giống cà phê chè ( <i>Coffea arabica</i> L.) đạt năng suất, chất lượng cao tại Lâm Đồng	- Phát triển giống cà phê chè có năng suất và chất lượng cao tại các vùng sinh thái phù hợp của tỉnh Lâm Đồng.	Tuyển chọn
3	Nghiên cứu cải tạo và phát triển một số giống hồng nhập nội bổ sung vào cơ cấu giống hồng tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	- Phát triển một số giống hồng nhập nội góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, cải tạo và nâng cao chất lượng hồng trên địa bàn huyện Lạc Dương.	Viện Bảo vệ Thực vật UBND huyện Lạc Dương
4	Nghiên cứu khả năng ra hoa, tạo hạt của cây sâm Ngọc Linh <i>in vitro</i> tại Đà Lạt	- Đánh giá khả năng ra hoa, tạo hạt của cây sâm Ngọc Linh <i>in vitro</i> nhằm chủ động trong việc sản xuất hạt giống sâm Ngọc Linh tạo nguồn nguyên liệu để sản xuất củ sâm Ngọc Linh từ hạt.	Ban Quản lý Khu CNSH & NN Ứng dụng CNC Đà Lạt
5	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo dây chuyền công nghệ sản xuất gạch không nung 10 triệu viên/năm	- Thiết kế và chế tạo dây chuyền công nghệ sản xuất gạch không nung 10 triệu viên/năm và chuyển giao cho các doanh nghiệp sản xuất gạch trên địa bàn tỉnh.	Trường Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh
6	Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	- Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn về phát triển du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. - Đánh giá thực trạng, tiềm năng và nhu cầu hoạt động du lịch thể thao ở các khu du lịch và tiềm năng của tỉnh Lâm Đồng. - Xây dựng hệ thống các giải pháp phát triển du lịch thể thao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. - Xây dựng 02 mô hình du lịch thể thao tại các khu du lịch của tỉnh Lâm Đồng.	Tuyển chọn
7	Nâng cao vai trò người phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò tích cực của người phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Lâm Đồng.	Tuyển chọn
8	Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Cát Tiên - Lâm Đồng	- Nghiên cứu giá trị lịch sử - văn hóa của di tích. Đề ra các giải pháp kỹ thuật bảo tồn di tích và phục chế số hóa tái hiện lại một số lễ hội phục vụ công tác nghiên cứu, giáo dục và phát triển du lịch. - Xây dựng định hướng các giải pháp phát huy giá trị di tích giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCM Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng

## MỘT SỐ LOÀI RAU RỪNG ĐẶC TRƯNG Ở LÂM ĐỒNG

**ThS. LƯƠNG VĂN DŨNG**

Đại học Đà Lạt

Lâm Đồng là vùng đa sắc tộc với hơn 40 dân tộc anh em sinh sống. Tài nguyên rau rừng ở Lâm Đồng không chỉ đa dạng về thành phần loài (trên 120 loài) mà còn phong phú về kinh nghiệm khai thác và sử dụng gắn với điều kiện tự nhiên của các cộng đồng dân cư. Bài viết phản ánh một số đối tượng rau rừng được sử dụng phổ biến trong cộng đồng người Chil, Chu Ru, Cơ Ho và Châu Mạ ở Lâm Đồng.

### Lỗ bình - cây rau rừng đặc trưng của người Chil

Người Chil ở Lâm Đồng sống tập trung tại các huyện Lạc Dương, Đam Rông và Lâm Hà. Trong các loại rau rừng họ thường sử dụng, truyền thống và đặc trưng nhất là cây *K'dol bôp*, có tên phổ thông là cây Lỗ bình (tên khoa học là *Lobelia zeylanic*, thuộc họ Lỗ bình *Lobeliaceae*).

Lỗ bình thuộc dạng thân thảo, bò, mọc ven bờ suối, đất ẩm hoặc nơi sinh lầy. Tại Lâm Đồng, cây được phân bố nhiều ở khu vực xã Đạ Chais - huyện Lạc Dương. Lá và thân non thường được dùng để ăn sống, xào hoặc nấu canh.



Hình 1. Lỗ bình, *K'dol bôp*  
a. Cây; b. Hoa

### Sả rừng - cây gia vị đặc trưng của người Chu Ru

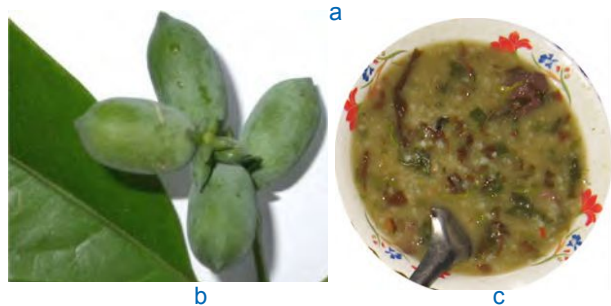
Người Chu Ru ở Lâm Đồng sống tập trung tại các huyện Lạc Dương, Đức Trọng. Họ sử dụng lá của cây Plăng Glai (Sả rừng), tên khoa học là *Michelia* sp., thuộc họ Ngọc lan (*Magnoliaceae*), có mùi pha trộn giữa sả và chanh làm gia vị trong các món xào, nướng. Đặc biệt trong lễ hội đâm trâu, loài cây này được sử dụng như một nét văn hóa ẩm thực đặc trưng của người Chu Ru để chế biến các món ăn từ thịt trâu.

### Lá bép - cây rau rừng đặc trưng của người Cơ Ho

Một loại rau rừng đặc trưng thường được cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên sử dụng là cây Lá bép, có tên khoa học là *Gnetum gnemon*, thuộc họ Gấm (*Gnetaceae*), còn gọi là *Biap Ser* (tiếng Cơ Ho), *Nhíp* (tiếng Xtiêng). Lá bép phân bố tập trung ở các huyện Đam Rông, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên. Người dân ở đây thường sử dụng lá non có màu đỏ gạch hoặc lá già đã già nát để chế biến món ăn truyền thống là *Pài* (Prúng) - một dạng cháo rau.



Hình 2. Sả rừng, *Plăng Glai*  
a. Già làng Ya Ba với cây Sả rừng tại thôn Diom A, xã Lạc Xuân - huyện Đơn Dương; b. Lá



Hình 3. Lá bép, *Biap Ser, Nhíp*  
a. Cây; b. Hạt; c. Canh Pài

### **R'nhàu - cây rau rừng đặc trưng của người Châu Mạ**

Người Châu Mạ ở Lâm Đồng sinh sống tập trung tại các huyện Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh. Lá của cây *R'nhàu* - một loại dây leo thân gỗ, được sử dụng tươi hoặc phơi khô rồi giã với gạo đã ngâm nước thành một dạng bột dùng nấu canh có vị ngọt (người dân gọi là cây “bột ngọt”).



Hình 4. Cây “bột ngọt”, *R'nhàu*  
a. Cây; b. Quả; c. Bột giã

Cây thuộc họ Tiết dê (*Menispermaceae*), có tên khoa học là *Tiliacora gabonensis*, là loài mới cho hệ thực vật Việt Nam, lần đầu tiên hình ảnh về quả được tư liệu hóa.

Có thể thấy rằng, mỗi cộng đồng dân tộc ở Lâm Đồng có kiến thức riêng và độc đáo trong khai thác và sử dụng rau rừng. Đây là nguồn tư liệu quý báu để chúng ta đưa vào lĩnh vực chế biến thực phẩm, tạo ra giá trị sản phẩm mới, vừa lưu giữ, phát triển các giống rau rừng đặc sản, đồng thời giúp cư dân địa phương tăng thêm thu nhập từ kinh doanh loại nông sản đặc biệt này. ■

## **TƠ LỰA BẢO LỘC TRÊN ĐƯỜNG XÂY DỰNG...**

(Tiếp theo trang 17)

thị trường truyền thống lẫn thị trường mới có nhiều tiềm năng; đáp ứng nhu cầu tiêu thụ lớn của các thị trường Nhật Bản, Thái Lan, Ấn Độ, Bangladesh,...

Cần phải củng cố, tổ chức lại sản xuất, dịch vụ (cung ứng giống, công nghệ, tiêu thụ sản phẩm) nhằm khuyến khích các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn cùng tham gia đầu tư phát triển nghề dâu, tằm, tơ hiệu quả và bền vững.

Ủy ban nhân dân thành phố cần tổ chức xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận “Tơ lụa Bảo Lộc” nhằm tái khẳng định giá trị sản phẩm đặc trưng của địa phương, giúp người tiêu dùng nhận biết được giá trị của một thương hiệu đã có từ trước

đến nay về sản phẩm tơ lụa mang nhãn hiệu Bảo Lộc.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc xây dựng cấp nhãn hiệu chứng nhận “Tơ lụa Bảo Lộc” không những là cam kết của các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất về uy tín, chất lượng đối với các sản phẩm lụa tơ tằm được sản xuất tại khu vực Bảo Lộc; tăng sức cạnh tranh về xuất khẩu hàng hóa có chất lượng của Việt Nam, góp phần mở rộng thị trường, nâng cao lợi nhuận, giảm thiểu các rủi ro cho doanh nghiệp trong các tranh chấp thương mại... mà còn là niềm tự hào chung cho cộng đồng doanh nghiệp và địa phương được sở hữu nhãn hiệu chứng nhận này. ■



## NĂM MÙI KỂ CHUYỆN DÊ

### Nguồn gốc của Dê

Hiện nay, có trên 350 giống dê được ghi nhận và nhiều nghiên cứu khác nhau về nguồn gốc dê nhà. Theo tài liệu trong *Bildschromik der Welt Geschichte* (nhà xuất bản Coventgarden), loài dê Bezoarziegen xuất hiện cách đây 50.000 năm. Thời đồ đá loài người săn bắn dê làm thực phẩm. Dê sống trên đồi núi hoang dã tại châu Á, châu Âu và châu Phi; được con người đem về nuôi và thuần hóa để lấy thịt, sữa.

Gốc giống dê nuôi vốn là giống dê núi *Capra prisca*, sau giống dê này được thuần hóa, lai tạp với nhiều giống khác như dê núi Ấn Độ *Capra aegagrus*. Các loài Steinbock/Sơn dương, Gaemse/Linh dương, Schneeziege sinh sống ở Rocky Mountains cao 4.000 m ở Hoa Kỳ; Iberische Steinbocke ở vùng Bán đảo Tây Ban Nha; Schraubenziege/Dê rừng ở Pakistan và Himalaya...

Giống dê rừng được chia thành 3 nhóm gồm dê Bezoar có sừng hình xoắn phân bố tự nhiên ở vùng Tây Á; dê Ibex sống ở vùng đông châu Phi, châu Âu và Tây Á; dê Markhor thường có sừng quấn về phía sau, phân bố ở Afghanistan và vùng Kashmir - Karakorum.

### Tập tính

Dê là gia súc nhai lại có khả năng gặm cỏ như trâu, bò; thích ăn lá cây, hoa, các cây bụi, cây họ đậu thân gỗ hạt dài. Dê thích hoạt động, chúng di chuyển nhanh khi ăn và rất phàm ăn, luôn tìm nguồn thức ăn mới. Dê thích ăn ở độ cao 0,2-1,2 m; chúng có thể đứng lâu trên 2 chân để bứt lá, thậm chí còn trèo lên cây chọn phần ngon để ăn rồi nhanh chóng chuyển sang cây và bụi khác. Mũi và lưỡi dê rất linh hoạt để vờ ngoạm và chọn loại thức ăn ưa thích. Dê là loại gia súc rất sạch sẽ, không ăn thức ăn thừa, bần hay lên men thối rữa.

Dê thường sống tập trung thành đàn. Mỗi con có một vị trí xã hội nhất định trong đàn. Những con dê mới nhập đàn thường phải thử sức để xác định vị trí xã hội của nó.

Dê thích nằm ở những nơi cao ráo, thoáng mát; ngủ, nghỉ trên những mô đất hoặc tảng đá phẳng, cao. Dê ngủ nhiều lần trong ngày, trong khi ngủ vẫn nhai lại. Dê có thể nhịn uống nước lâu ngày trong sa mạc, có sức chịu đựng mưa, nắng, tuyết phủ...

Dê là loài vật có tính hiếu động, thích chạy nhảy và leo trèo rất giỏi. Dê thường chọi nhau rất hăng, dùng sừng húc vào mặt, đầu, bụng địch thủ.

Dê rất khôn ngoan, biết quý mến người chăm sóc chúng. Dê có khả năng nhớ nơi ở và tên do

con người đặt cho. Nó nhận biết người chủ của chúng từ xa về và thường kêu âm lên để đón chào. Dê đực có sức mạnh về sinh lý, có mùi hôi để quyến rũ dê cái.



### Dê trong sinh hoạt xã hội

Trong các loài gia súc, dê là loài có ý nghĩa tinh thần phong phú và có giá trị biểu tượng cao.

Trong văn hóa phương Tây, dê là một trong 12 biểu tượng của cung Hoàng Đạo. Trong thần thoại Hy Lạp, dê đực là hình tượng của thần Pan, thủy tổ của mục đồng. Thần thoại Hy Lạp, La Mã ghi lại: Zeus - Jupiter chúa tể các vị thần, lúc sinh ra được bú sữa dê pha với mật ong; khi tế thần, người ta dâng dê, bò đã thui đốt. Khi tế thần Hecmet cũng phải có mật ong, bánh ngọt, heo và dê con.

Trong lễ "Chuộc tội" của người Israel, họ bắt một con dê đực để thầy cúng tế, đọc kinh và làm phép trút hết tội lỗi của loài người cho dê gánh chịu rồi thả ra đồng, nên có cụm từ "con dê tế thần". Trong Kitô giáo, hình ảnh con chiên, con dê rất gần gũi với người Do Thái từ mấy ngàn năm nay. Đức chúa Giêsu chào đời trong máng cỏ tại một hang có nhiều dê, chiên, lừa... thờ hơi ấm.

Trong văn hóa phương Đông, theo thuyết 12 con Giáp, dê là biểu tượng chi Mùi đứng hàng thứ 8, là một chi quan trọng mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc. Tính theo tháng, tháng Dần là tháng Giêng thì tháng Mùi là tháng Sáu âm lịch. Giờ Mùi kéo dài từ 13h đến 15h.

Ở Việt Nam, dê được thuần dưỡng từ rất sớm, mang giá trị vật chất đa dạng và tinh thần phong phú. Nó là một trong 6 vật nuôi thông dụng



Tranh dân gian Bịt mắt bắt dê

(lục súc) gồm dê, gà, chó, lợn, ngựa, trâu và 1 trong 3 thứ lễ vật đặc biệt để cầu cúng, tế dâng thánh là dê, lợn, bò. Sách Lĩnh Nam Chích Quái về họ Hồng Bàng kể rằng từ thời xa xưa, người Việt trong hôn nhân đã biết giết trâu, dê làm đồ lễ; đến thời nhà Nguyễn, con dê chỉ được dùng trong việc tế lễ. Theo Đại Nam thực lục chính biên, Triều đại vua Minh Mạng (1836), nhà vua sai mua 220 dê đực, 100 dê cái và chọn 20 con dê đực làm vật tế lễ Nam Giao, đặt tại đền Thượng có thịt dê ướp dương hải. Minh Mạng (1840) thứ 21 cho dân chúng miền Trung dê giống để nuôi, ai nuôi nhiều thì có thưởng.

Dê cũng là hình ảnh tiêu biểu đi vào thơ văn Việt Nam. Trong tác phẩm Hịch Tướng sĩ, Trần Hưng Đạo viết: *Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình/Đem thân dê chó mà ngựa mạn tế tướng*. Hay Nguyễn Đình Chiểu trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc viết: *Hai vàng nhật nguyệt chói lòa/Đầu dung lũ treo dê bán chó...*

#### **Dê trong một số câu tục ngữ**

*Bán bò tậu ruộng mua dê về cày ý mĩa mai*

sinh hoạt hàng ngày, không biết tính. Cà kê dê ngỗng ám chỉ người ăn không ngời rồi, kể lể tản mạn, dài dòng, huyền thuyên những chuyện lật vặt, vớ vẩn. *Giàu nuôi chó, khó nuôi dê, không nghề nuôi ngỗng* muốn nói nuôi dê không tốn kém, chỉ cần thả dê sống trên núi đồi, không tốn thực phẩm. *Máu bò cũng như tiết dê* ám chỉ dù 2 thứ tiết khác nhau, người ta ăn tiết canh dê không ai ăn tiết canh bò; ý nói con người không rõ ràng trong các vấn đề. *Treo đầu dê bán thịt chó* dùng chỉ người nói một nơi, làm một nẻo, ba xạo, nói và làm không khớp nhau. *Dương chất hổ bì tức chất là chất dê, da là da cạp*; ý chỉ dùng bề ngoài lòe loẹt, giả dối để lừa bịp, che đậy thực chất xấu xa bên trong. *Bịt mắt bắt dê* là trò chơi dân gian, trong đó có một người bịt mắt, đuổi theo một con dê hoặc đuổi bắt một hay nhiều người giả làm dê kêu be be; nghĩa bóng là làm một việc khó có thể đạt được kết quả.

#### **Những dược thảo mang tên Dê/Dương**

Cà Dái dê - còn gọi cà tím, có tên khoa học là *Solanum melongena*, họ Cà *Solanaceae*, chứa chất violanin. Dương đề (*Rumex wallichii*) thuộc họ Rau răm *Polygonaceae*, rễ và lá chứa anthraglucosid.. Cây Sừng dê (*Semen Strophanthididivaricati*) còn gọi là dương giác nữu, dương giác ảo chứa các chất glucosid. Ngoài ra còn có một loài như Dâm dương hoắc (*Herba epimedii*) thuộc họ Hoàng liên gai *Berberidaceae*, Dương đề thảo (*Emilia Sonchifolra*) thuộc họ Cúc *Compositae*, Dương san hô (*Euphorbia tithymaloides*) thuộc họ Thầu dầu *Euphorbiaceae*, Dương xuân sa (*Amomun Villosum*) thuộc họ gừng *Gingberaceae* chứa saponin, Dương đào (*Averrhoacarambola*). ■

(Lê Công - Tổng hợp từ Internet)

### **HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN**

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Bùi Thanh Long, Hà Hữu Nết, Huỳnh Ngọc Cảnh, Uyên Thao, Lương Văn Dũng, Đào Thị Duyên, Thanh Bình, Đoàn Bích Ngọc, Nguyễn Văn Quảng, Thanh Dương Hồng, Phan Thành Minh, Nguyễn Tấn Tuấn...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 2/2015 tập trung vào chủ đề: *Chào mừng kỷ niệm 40 năm giải phóng Đà Lạt - Lâm Đồng 03/4/1975 - 03/4/2015*.

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học Công nghệ  
35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt

## ĐỜI SỐNG CƯ DÂN THỜI ĐẠI ĐÁ CŨ Ở LÂM ĐỒNG

TS. TRẦN VĂN BẢO

Thời đại đá cũ là thời đại cổ nhất, chiếm 99% lịch sử loài người. Trên thế giới, thời đại đá cũ được bắt đầu từ việc xuất hiện người vượn và công cụ cuội ghè đẽo; kết thúc vào bước chuyển giao từ cuối Cánh tân (*Pleistocene*) - đầu Toàn tân (*Holocène*), khoảng 10.000-12.000 năm cách nay. Khí hậu Đông Nam Á lúc đó lạnh và khô hơn hiện nay.

Thời đại đá cũ Lâm Đồng được xác nhận dựa vào hình thái kỹ thuật học, chưa xuất hiện kỹ thuật mài, chưa có tài liệu địa tầng. Về loại hình và kỹ thuật chế tác công cụ đá ghè đẽo, tại Lâm Đồng có 2 nhóm di tích: nhóm Núi Voi - Tuyên Lâm và nhóm Đồi Giàng - Tà Liêng - Lạc Xuân II. Nhóm cư dân Núi Voi - Tuyên Lâm sử dụng đá basalt làm công cụ ghè đẽo thô sơ, tạo ra các loại hình chopper, chopping, công cụ mảnh tước tìm thấy ở Núi Voi - Tuyên Lâm. Những công cụ này gọi lại chất liệu và kỹ thuật ghè đẽo ở di tích Núi Đọ và Quân Yên (Thanh Hóa) hoặc Xuân Lộc (Đồng Nai). Tuy nhiên, tại Lâm Đồng chưa tìm thấy rìu tay (*handaxes*), bôn tay (*cleavers*) và mảnh tước Clacton như sơ kỳ đá cũ Núi Đọ (Thanh Hóa) cũng như chưa tìm thấy công cụ ghè hai mặt kiểu "cá thồn bơn" như Xuân Lộc (Đồng Nai) nên chưa có cơ sở xếp các di tích này vào sơ kỳ đá cũ, mà gọi chung là đá cũ, với 2 mức phát triển: sớm hơn là nhóm di tích Núi Voi - Tuyên Lâm, muộn hơn là nhóm di tích Đồi Giàng - Tà Liêng - Lạc Xuân II. Trong suốt thời gian đó, văn hóa của con người thời đại đá cũ Lâm Đồng tiến triển hết sức chậm chạp. Nhóm cư dân Tà Liêng - Đồi Giàng và Lạc Xuân II sử dụng đá cuội thạch anh (quartz) hoặc thạch anh biến tính (quartzite) để chế tác công cụ. Về kỹ thuật và loại hình, những công cụ này có nét gọi lại công cụ kiểu Sơn Vi ở Bắc Việt Nam. Người thời đại đá cũ ở phía Bắc Lâm Đồng sinh sống dựa vào hái lượm (rau, củ, quả, hạt), thu lượm các loài nhuyễn thể ở suối và săn bắt. Các tàn tích thức ăn không còn lưu lại trong di tích, nên khó xác định cụ thể hoạt động kinh tế của họ.

Nguồn động, thực vật nhiệt đới có điều kiện phát triển thuận lợi. Những dòng sông, suối trong hệ thống sông Thượng Đồng Nai và Đa Nhim do mưa nhiều nên luôn luôn đầy nước. Vào thời điểm này, toàn vùng duyên hải Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đợt biển tiến, làm cho dải đồng bằng Trung Bộ Việt Nam bị co hẹp hơn.

Vì vậy, vùng cao nguyên là địa bàn khá lý tưởng để con người thời kỳ này triển khai các hoạt động sống. Cư dân đá cũ ở Lâm Đồng không chịu ảnh hưởng trực tiếp của đợt biển tiến này, song chịu tác động của các đợt mưa nhiều.

Vào cuối Cánh tân, rừng Lâm Đồng có xu thế chuyển từ rừng thưa thành rừng rậm, xuất hiện các họ bào tử quyết thực vật như dương xỉ, kim mao. Loại bào tử này không phổ biến trong di tích sơ kỳ đá mới sau đó, phản ánh cổ khí hậu lúc đó khô và nóng hơn hiện nay. Ở Lâm Đồng có nhiều đầm, hồ lớn, hệ thống sông, suối khá dày đặc với nguồn nước phong phú; một vùng rừng núi rộng lớn, trên đó thảm thực vật rất đa dạng là nguồn thức ăn dồi dào có thể nuôi sống con người. Nhiều loại cây cho củ, quả hoặc hạt có thể sử dụng làm lương thực. Không chỉ vậy, rừng còn là nơi sinh sống của nhiều loài động vật, mà cho đến nay nhiều loài trong số đó còn tồn tại như hươu, nai, lợn rừng, sơn dương, hoẵng, nhím, chồn, cầy, cáo, chuoột, sóc với thành phần loài ở Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng mang đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm.

Với tư liệu hiện biết, có thể ghi nhận 2 khu vực cư trú rõ nét nhất của người thời đại đá cũ Lâm Đồng là khu vực quanh Núi Voi (Đức Trọng) và trên một số đồi gò thấp ở Lâm Hà, Bảo Lộc. Tại đây, người hậu kỳ thời đại đá cũ đã triển khai tìm kiếm thức ăn bằng săn bắt, hái lượm, đồng thời mở rộng hoạt động tìm kiếm thức ăn của mình ra khu vực xung quanh.

Sống chủ yếu bên cạnh hồ nước, sông, suối, dù còn ở trình độ thấp, người hậu kỳ đá cũ ở Lâm Đồng chắc hẳn còn biết săn bắt cá để bổ sung nguồn thức ăn cho mình. Những đầm, hồ và đặc biệt là cửa suối đổ vào sông là nơi có nguồn thủy sản đa dạng, chủ yếu là cá cùng một số loài nhuyễn thể như ốc, trai, hến... có vai trò nhất định trong việc cung ứng nguồn thức ăn cho con người.



Rừng ở Lâm Đồng thuộc loại rừng phổ tạp, khá nhiều giống loài, nhưng số cá thể trong một loài lại ít; nên việc săn bắt, hái lượm ở đây phải theo phổ rộng và phổ tạp. Điều này phần nào lý giải thời gian con người định cư ngắn nên hiếm những địa điểm có mật độ di vật phong phú.

Công cụ của thời kỳ này là đồ đá ghè đẽo có thể chế tác công cụ từ tre, gỗ. Công cụ tre, gỗ mới trực tiếp sử dụng vào việc săn bắt, kiếm ăn cho nên việc chưa tìm thấy công cụ đá chuyên dụng cho săn bắt - hái lượm ở thời kỳ đá cũ là điều dễ hiểu. Săn bắt đem lại kết quả nhất định cho con người, song việc hái lượm có thể đem lại nguồn thức ăn thường xuyên hơn. Trong số công cụ đá ghè đẽo, hầu như không thấy vũ khí chuyên dụng cho săn bắt trong khi một số loại hình công cụ có thể dùng cho hái lượm (bao gồm cả đào bới củ) thì khá rõ ràng. Đó là những công cụ đá có mũi nhọn to, khỏe, được tu chỉnh cẩn thận. Đây là một loại hình đặc trưng cho hậu kỳ đá cũ Lâm Đồng. Hầu như di tích nào cũng có mặt loại công cụ này.

Đất Lâm Đồng bạt ngàn tre, gỗ. Từ tre, gỗ có thể làm ra vũ khí cho săn bắt như những lao gỗ đầu nhọn; cung và tên bằng tre, những chiếc bẫy thú bằng cây gỗ, dây rừng, cành tre đơn giản nhưng rất hiệu quả, giống như các dân tộc ít người nơi đây hiện nay vẫn sử dụng. Người nguyên thủy có thể sử dụng công cụ đá chặt cây lấy gỗ, làm lều, đốt lửa; sử dụng những mảnh tước mỏng và sắc để xẻ thịt thú rừng.

Người thời đại đá cũ ở Lâm Đồng đã biết chọn lựa một số loại đá, cuội sẵn có ở sông, suối làm nguyên liệu chế tác công cụ; nhiều nhất vẫn là đá quartz và quartzite. Nhóm người khác lại chọn đá basalt có vảy silic, cứng và khi ghè cho rìa cạnh sắc. Tư duy của con người thời này khá phát triển, biết vận dụng kỹ thuật ghè đẽo để định hình công cụ với các thủ pháp như bở tách mảnh, bở bóc, chặt bẻ, tu chỉnh rìa lưỡi. Tổ hợp công cụ đá của người đá cũ Lâm Đồng có sự ổn định về chất liệu và loại hình - kỹ thuật chế tạo, cơ bản đáp ứng nhu cầu săn bắt, hái lượm, chế biến thức ăn. Nhiều địa điểm ở khá xa nhau, nhưng công cụ ghè đẽo lại khá giống nhau về kiểu dáng và gần nhau về kỹ thuật chế tạo.

Sống ngoài trời trong điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, có nhiều khả năng người đá cũ Lâm Đồng đã biết dựng lều, nhà để ở. Hiện chưa có tư liệu trực tiếp về việc người đá cũ làm lều như thế nào. Nhưng những nhà lều trên nương

hiện nay của cư dân bản địa tuy đơn giản, nhưng vững chắc, giúp con người có thể tránh mưa hoặc rét vào ban đêm hữu hiệu. Trong thời đại đá cũ, việc dựng lều, đặt bếp lửa tại nơi cư trú là điều chắc đã xảy ra.

Với sự xuất hiện của một số địa điểm khảo cổ liên nhau, có quan hệ với nhau nhất định về mặt hình thái và kỹ thuật chế tạo công cụ, người ta có thể liên hệ các địa điểm đá cũ này với hình thái kinh tế - xã hội xa xưa nhất là các công xã thị tộc.

Phương thức săn bắt và hái lượm thường đi liền với cuộc sống du cư. Người thời đại đá cũ Lâm Đồng có thể ở trong tình trạng này. Họ sống du cư trong một khu vực nhất định, nhưng vẫn có một "cứ điểm" để từ đó họ xuất phát và lại trở về. Cứ điểm đó có thể là Núi Voi, ở đó mật độ di vật tìm thấy khá phong phú.

Dĩ nhiên, những hiểu biết của chúng ta về cư dân giai đoạn đá cũ Lâm Đồng còn khá mờ nhạt. Một số địa điểm đã hé mở nguồn sử liệu thời kỳ này, song chưa tìm được tầng văn hóa. Nhiệm vụ của chúng ta là tiếp tục mở rộng diện điều tra, khai quật, ngõ hầu để có thể làm rõ hơn nữa diện mạo văn hóa thời đại đá cũ Lâm Đồng. ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

C. Mác, Ph. Ăngghen 1995, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

Trần Quốc Vượng, Nguyễn Khắc Sửu và nnk (2004), *"Nhận xét sơ bộ về di tích đá cũ Núi Voi (Lâm Đồng)"*, NPHM...2003, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.71.

Nguyễn Khắc Sửu, Phan Thanh Toàn 2005, *"Những công cụ đá ghè đẽo và mài lưỡi Lung Leng"*, KCH, (5), tr. 47.

Saurin E., 1971. *Le Paléolithique des environs de Xuan Loc (Sud Vietnam)*, BSEI, Vol. XLVI, Fasc 1, Saigon, pp. 49.



# GIỚI THIỆU CÁC CHUYÊN GIA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Sở KH&CN Lâm Đồng tổng hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về đội ngũ chuyên gia hoạt động về KH&CN phục vụ công tác quản lý và tra cứu thông tin chuyên ngành, đảm bảo tính khách quan, khoa học và tinh thần trách nhiệm. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu để tiện theo dõi, trao đổi và mời chuyên gia cho các hoạt động trong lĩnh vực KH&CN. Thông tin được trích xuất từ nguồn do các chuyên gia cung cấp và phổ biến trên mạng, do đó đảm bảo tính khách quan, minh bạch. Các thông tin cập nhật luôn được trân trọng tiếp nhận và kết nối vào dữ liệu nguyên bản.

Thông tin Khoa học Công nghệ Lâm Đồng sẽ giới thiệu khoảng 10-15 chuyên gia/kỳ (tuổi dưới 70). Xin trân trọng và cảm tạ sự hợp tác của quý vị.

## Các chuyên gia trình độ PGS.TS

### I. Họ và tên: **Cao Thế Trinh**



Năm sinh: 1959  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1992)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2002)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Trưởng khoa  
Tel: 0903.152.299; Email: caothetrich@gmail.com

#### Các công trình KHCN đã công bố

#### 1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 6

Anthropology Review: 1  
Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á: 1  
Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á: 3  
Tạp chí Dân tộc học Xô viết, Matxcova: 1

#### 2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 8

Tạp chí Dân tộc học: 7  
Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam: 1

#### 3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 1

### II. Họ và tên: **Dương Quý Sỹ**



Năm sinh: 1967  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2009)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2013)  
Cơ quan: Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng; Hiệu trưởng  
Tel: 0918.413.813; Email: sduongquy.jfvp@gmail.com

#### Các công trình KHCN đã công bố

#### 1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 64

Experimental Neurology: 1  
Rev Mal Respir: 12  
J. Vascular Medicine & Surgery: 1  
Physiological Reports: 1  
Pulmonary pharmacology & Therapeutics: 1  
Thorax: 1  
Rev. Maladies Respiratoires: 6  
J. Breath Research: 2  
Pharmacology & Therapeutics: 1  
Am J Respir Crit Care Med: 1  
Rev Med Inter: 1  
Eur Respir J: 2  
J Rheumatol: 1  
Nitric Oxide: 3  
Pediatr Pulmonol: 1  
Singapore Med: 1  
J. Franco - Vietnamien de Pneumologie: 28

#### 2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 10

Y học Việt Nam: 2  
Tạp chí Lao và Bệnh phổi: 8

#### 3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 4

### III. Họ và tên: **Dương Tấn Nhựt**



Năm sinh: 1967  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2002)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2009)  
Cơ quan: Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên; Phó Viện trưởng  
Tel: 0918.313.045; Email: duongtannhut@gmail.com

#### Các công trình KHCN đã công bố

#### 1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 47

Plant Cell Reports: 1  
J. Plant Physiology: 1  
Comptes Rendus de l'Académie des sciences Paris, Sciences de la vie/Life Science: 1  
In Vitro Cell Biology Development - Plant: 3  
African J. Biotechnology: 3



Plant Growth Regulation: 3  
 Acta Horticulturae: 3  
 J. Horticultural Science and Biotechnology: 1  
 Propagation of Ornamental Plants: 11  
 J. Herbs, Spices and Medicinal Plants: 1  
 J. Applied Horticulturae: 3  
 Asean J. Science and Technology for Development: 2  
 Inter.J. Applied Biology and Pharmaceutical Technology: 1  
**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước:** 106  
 Tạp chí Sinh học: 16                      Tạp chí Khoa học và Công nghệ: 13                      Tạp chí Công nghệ Sinh học: 70  
 Tạp chí Khoa học và Ứng dụng: 3                      Tạp chí Khoa học và Phát triển: 4  
**3/ Các chuyên khảo và giáo trình:** Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 37  
 Sách chuyên khảo tiếng Anh: 29                      Sách chuyên khảo tiếng Việt: 8

IV. Họ và tên: **Lê Bá Dũng**



Năm sinh: 1955  
 Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1988)  
 Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2002)  
 Cơ quan: Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt  
 Email: dunglb@dlu.edu.vn

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài:** 1

Mycotaxon: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước:** 8

Tạp chí Sinh học: 8                      Journal of Science, Natural Sciences: 1

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình:** Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 1

V. Họ và tên: **Lê Ngọc Chung**



Năm sinh: 1955  
 Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1996)  
 Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2007)  
 Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Viện trưởng Viện nghiên cứu môi trường  
 Tel: 0908.010.015; Email: chungln@dlu.edu.vn

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài:** 1

Journal Sains NuKlear Malaysia: 01

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước:** 11

Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học: 11

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình:** Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 0

VI. Họ và tên: **Lê Xuân Thám**



Năm sinh: 1956  
 Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1996)  
 Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2004)  
 Cơ quan: Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng; Giám đốc  
 Tel: 0908.039.609; Email: thambiotech@yahoo.com

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài:** 14

Mycotaxon: 1                      Mycoscience: 4                      Plant nutrition: 1                      Fitoterapia: 1  
 Radiation Physics and Chemistry: 2                      AJSTD: 1                      Research J. Phytochemistry: 1  
 Biosci Biochem Biotech: 1                      Mushroom Sci. Biotech: 1                      The Mycological Progress: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước:** 73

Tạp chí Sinh học: 14                      Tạp chí Dược học: 29                      Tạp chí Khoa học đất: 1  
 Tạp chí Di truyền & Ứng dụng: 2                      Tạp chí Khoa học và Công nghệ: 13  
 Revue Pharmaceutique: 4                      Tạp chí Khoa học, Khoa học tự nhiên: 1  
 Tạp chí Công nghệ sinh học và Ứng dụng: 3                      Tạp chí Công nghệ Sinh học: 3  
 Nuclear Science & Technology: 3

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình:** Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 5



VII. Họ và tên: **Nguyễn Đức Hòa**



Năm sinh: 1959  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2000)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2012)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Hiệu trưởng  
Tel: 063.3822246; Email: hoand@dlu.edu.vn

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 6**

J. Analytical Sciences, Methods and Instrumentation: 1  
Inter. J. Computational Engineering Research: 1  
Inter. Organization of Scientific Res. J. Engineering: 1  
World J. Nuclear Science and Technology: 1                      Res. J. Engineering and Applied Sciences: 1  
Southeast Asian J. Sciences: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 4**

Nuclear Science & Technology: 2                      Tạp chí Khoa học và Công nghệ: 1  
Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Tp.HCM: 1

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 1**

VIII. Họ và tên: **Nguyễn Nhị Điền**



Năm sinh: 1957  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1992)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2002)  
Cơ quan: Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt; Viện trưởng  
Tel: 0913.865.048; Email: nndien@vinatom.gov.vn; nndien@hcm.vnn.vn

**Các công trình KHCN đã công bố trong 5 năm gần nhất**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 4**

J. Nuclear Energy Science and Engineering: 1                      J. Nuclear Instrument and Method: 1  
J. Analytical Sciences Method and Instrumentation: 2

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 8**

Journal of Nuclear Science and Technology: 8

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 0**

IX. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Tuấn**



Năm sinh: 1954  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1996)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2007)  
Cơ quan: Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt; Nguyên Phó viện trưởng  
Tel: 0903.000.368; Email: ngoctuan45@yahoo.com

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 2**

Asian J. Chemistry: 1                      Inter. J. Chemistry: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 5**

Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học: 4                      Tạp chí Hóa học: 1

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 1**

X. Họ và tên: **Nguyễn Văn Hùng**



Năm sinh: 1958  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2004)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2012)  
Cơ quan: Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt  
Tel: 0918.814.465; Email: ngvhung58@gmail.com

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 4**

J. Radioanalytical and Nuclear Chemistry: 1                      IJCER: 1                      IORSJEN: 2

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 22**

Tạp chí Hóa học: 13                      Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ: 2  
Tạp chí Khoa học: 2                      J. Nuclear Science and Technology: 2

J. Science: Mathematics - Physics: 3

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 0**

XI. Họ và tên: **Phạm Tiến Sơn**



Năm sinh: 1964  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2001)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2008)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Tổ trưởng bộ môn Toán cơ bản  
Tel: 063.3822246

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 13**

J. Mathematical Analysis and Applications: 1  
Universitatis Iagellonicae: 1  
J. Pure and Applied Algebra: 1  
Kodai Mathematical Journal: 3  
J. Mathematical Society of Japan: 1  
Operations Res. Letters: 1  
SIAM J. Optimization: 1  
Annales Polonci Mathematici: 3  
Proc. American Mathematical Society: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 3**

Acta Mathematica Vietnamica: 3

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 0**

XII. Họ và tên: **Phạm Quang Trung**



Năm sinh: 1951  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1997)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2002)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Trưởng Bộ môn Lý luận văn học và Văn học nước ngoài  
Tel: 0918.438.200; Email: pqtrungvn@gmail.com

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 0**

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 2**

Nghiên cứu văn học: 1  
Lý luận Phê bình văn học nghệ thuật: 1

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 2**

XIII. Họ và tên: **Phan Thị Hồng**



Năm sinh: 1958  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (2003)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2009)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Giảng viên chính Khoa Ngữ văn và Văn hóa học  
Tel: 0918.419.951; Email: hongpt@dlu.edu.vn

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 0**

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 3**

Tạp chí khoa học xã hội Tây Nguyên: 2  
Tạp chí Langbiang: 1

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 1**

XIV. Họ và tên: **Tạ Lê Lợi**



Năm sinh: 1960  
Năm đạt học vị: Tiến sĩ (1994)  
Năm phong học hàm: Phó giáo sư (2002)  
Cơ quan: Trường Đại học Đà Lạt; Giảng viên chính Khoa Toán - Tin học  
Tel: 0919816618; Email: loi1l@dlu.edu.vn

**Các công trình KHCN đã công bố**

**1/ Các công trình trên tạp chí chuyên môn quốc tế và tạp chí nước ngoài: 13**

Annales Polonici mathematici: 2  
Banach Center publications: 1  
Proceeding of the CMA: 3  
Comptes Rendus de l'Académie des Sciences: 2  
Ann. Inst. Fourier 45,4: 1  
Inter. J. Mathematical Analysis: 1  
Preprint of The Fields Institute: 2  
Annales De L'Institut Fourier: 1

**2/ Các công trình trên tạp chí trong nước: 3**

Acta Mathematica Vietnamica: 1  
Vietnam J. Mathematics: 2

**3/ Các chuyên khảo và giáo trình: Tác giả, đồng tác giả biên soạn: 0**



# Hình ảnh

## MỘT SỐ DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Mô hình nuôi trồng nấm Linh chi tại huyện Cát Tiên



Tham quan mô hình trồng cam Canh (Cara cara)



Dự án: Xây dựng mô hình nhân giống vô tính cây Khoai môn bằng phương pháp nuôi cấy *in vitro*



Dự án: Nhân rộng mô hình trồng Phúc bồn tử tại Lâm Đồng



Dự án: Xây dựng mô hình sấy cà phê sau thu hoạch tại huyện Lâm Hà



Lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt bằng năng lượng mặt trời tại xã Tân Hội, huyện Đức Trọng



Một số hình ảnh

# NĂM DU LỊCH QUỐC GIA TÂY NGUYÊN - ĐÀ LẠT

